

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM  
KHÓA LUẬT**



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC  
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

**GIAO KẾT HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN PHÁP  
LUẬT TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ TỪ THỰC  
TIỄN TẠI VĂN PHÒNG LUẬT SƯ TRỊNH  
HƯƠNG.**

**GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN: T.S ĐỖ GIA THƯ  
HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN: NGUYỄN TIẾN ĐẠT  
MÃ SINH VIÊN: 1458300014  
LỚP: LKT 14-01**

**HÀ NỘI 2024**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM  
KHÓA LUẬT**



**NGUYỄN TIẾN ĐẠT**

Lớp: LKT 14-01 Khóa: K14

**GIAO KẾT HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN PHÁP  
LUẬT TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ TỪ THỰC  
TIỄN TẠI VĂN PHÒNG LUẬT SƯ TRỊNH  
HƯƠNG.**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC  
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

**Giảng viên hướng dẫn: T.S ĐỖ GIA THU'**

Nơi thực hiện đề tài: Trường Đại học Đại Nam

Thời gian thực hiện: từ 23/03/2024 đến 25/05/2024

**HÀ NỘI 2024**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi cam đoan: Khóa luận tốt nghiệp này là kết quả nghiên cứu của riêng tôi, được thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của giảng viên T.S Đỗ Gia Thư , đảm bảo tính trung thực và tuân thủ các quy định về trích dẫn, chú thích tài liệu tham khảo. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời cam đoan này.

**Người cam đoan**

**Nguyễn Tiến Đạt**

## LỜI CẢM ƠN

Đề tài “Giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự từ thực tiễn tại văn phòng luật sư Trịnh Hương” là nội dung em chọn để nghiên cứu và làm khóa luận tốt nghiệp sau bốn năm theo học chuyên ngành Luật kinh tế tại trường Đại học Đại Nam.

Để hoàn thành quá trình nghiên cứu và hoàn thiện khóa luận, bên cạnh sự nỗ lực không ngừng của bản thân, với tình cảm chân thành, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến thầy T.S Đỗ Gia Thư thuộc Khoa Luật – Trường Đại học Đại Nam. Thầy đã trực tiếp chỉ bảo, định hướng cách tư duy và cách làm việc khoa học trong suốt quá trình nghiên cứu để em hoàn thiện khóa luận tốt nghiệp này. Đồng thời em xin chân thành cảm ơn các thầy cô trong Khoa Luật đã tận tình chỉ dạy và trang bị cho em những kiến thức cần thiết trong thời gian ngồi trên ghế giảng đường, làm nền tảng cho em có thể hoàn thành được khóa luận này.

Nhân dịp này, em cũng xin cảm ơn trường Đại học Đại Nam đã tạo điều kiện cho em có môi trường học tập tốt trong suốt thời gian em học tập, nghiên cứu tại trường.

Cuối cùng, em xin cảm ơn những người thân, bạn bè đã luôn bên em, động viên em hoàn thành khóa học và bài khóa luận này.

Trong quá trình làm khóa luận tốt nghiệp, em cảm thấy mình đã học tập và trải nghiệm được nhiều điều vô cùng hữu ích, từ đó để em học hỏi và rút kinh nghiệm trong quá trình làm việc sau này của mình. Tuy nhiên, vì kiến thức chuyên môn vẫn còn nhiều hạn chế cùng với việc bản thân chưa có nhiều kinh nghiệm nên khóa luận của em vẫn còn nhiều thiếu sót. Kính mong nhận được sự góp ý và chỉ bảo của Quý thầy cô và mọi người.

Em xin chân thành cảm ơn!

## MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU .....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài .....	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	2
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu đề tài .....	3
PHẦN NỘI DUNG.....	5
<b>CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ GIAO KẾT</b> <b>HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ'....</b>	<b>5</b>
1.1. Lý luận chung về giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự .....	5
1.1.1. Khái quát về hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật .....	5
1.1.2. Khái quát về giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp lý trong lĩnh vực dân sự .....	18
1.2. Pháp luật về giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự .....	27
1.2.1. Các quy định về nguyên tắc giao kết .....	27
1.2.2. Các quy định về hình thức giao kết.....	29
1.2.3. Trình tự giao kết.....	30
1.2.4. Nội dung hợp đồng dịch vụ pháp lý trong lĩnh vực dân sự.....	32
Tiểu kết Chương 1 .....	34
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIAO KẾT HỢP</b> <b>ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ TỪ</b> <b>THỰC TIỄN TẠI VĂN PHÒNG LUẬT SƯ TRỊNH HƯƠNG.....</b>	<b>35</b>
2.1. Giới thiệu khái quát về Văn phòng luật sư Trịnh Hương.....	35
2.1.1. Lĩnh vực hoạt động của Văn phòng luật sư Trịnh Hương .....	36
2.1.2. Cơ cấu tổ chức của Văn phòng luật sư Trịnh Hương .....	38
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự tại Văn phòng luật sư Trịnh Hương .....	40
2.3. Đánh giá tình hình giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự tại Văn phòng luật sư Trịnh Hương .....	44
2.3.1. Những kết quả đạt được .....	44

2.3.2. Những hạn chế còn tồn tại.....	49
2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại .....	50
Tiểu kết Chương 2 .....	52
<b>CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ TỪ THỰC TIỄN TẠI VĂN PHÒNG LUẬT SƯ TRỊNH HƯƠNG.....</b>	<b>53</b>
3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự ở Việt Nam hiện nay .....	53
3.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự.....	54
3.3. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự tại Văn phòng luật sư Trịnh Hương .....	56
3.3.1. Một số giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự.....	56
3.3.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự tại Văn phòng luật sư Trịnh Hương.....	58
Tiểu kết Chương 3 .....	62
KẾT LUẬN .....	63
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	65
I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT .....	65
II. GIÁO TRÌNH VÀ SÁCH THAM KHẢO .....	65
III. BÁO VÀ CÁC TRANG WEB.....	65
IV. MỘT SỐ TÀI LIỆU KHÁC.....	66

# **TÊN ĐỀ TÀI VÀ TÓM TẮT KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

## **1. Tên đề tài**

### ***Tiếng Việt***

Giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự từ thực tiễn tại văn phòng luật sư Trinh Hương

### ***Tiếng Anh***

Signing a contract for legal consulting services in the civil field from practice at the law office of Trinh Huong

## **2. Tóm tắt khóa luận tốt nghiệp**

### ***Tiếng Việt***

Khóa luận là kết quả của quá trình nghiên cứu, tìm hiểu cũng như phân tích đánh giá các quy định của pháp luật Việt Nam về Giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự. Đồng thời tìm ra phương hướng giải quyết nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự là cần thiết, có ý nghĩa về mặt lý thuyết cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật, hạn chế sai sót thường gặp trong quá trình giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự trong thời gian tới nhằm bảo vệ quyền và lợi ích tối đa của các bên khi tham gia giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự.

### ***Tiếng Anh***

The thesis is the result of the process of researching, understanding as well as analyzing and evaluating the provisions of Vietnamese law on entering into contracts for legal consultancy services in the civil field. At the same time, finding a solution to improve the legal provisions on entering into contracts for legal consultancy services in the civil field is necessary, meaningful in theory as well as practical application. to limit common errors in the process of entering into a contract for legal consulting services in the civil field in the near future in order to protect the maximum rights and interests of the parties when entering into a contract. legal consulting services in the civil field.

**DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

DVPL	Dịch vụ pháp lý
DVTVPL	Dịch vụ tư vấn pháp luật
BLDS	Bộ luật dân sự



## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

TÊN BẢNG	TRANG
1. Bảng 2.2 số liệu tình hình giao kết hợp đồng DVTVPL Văn phòng luật sư Trịnh Hương trong 3 năm (2021, 2022, 2023)	40
2. Biểu đồ thể hiện tình hình hoạt động của văn phòng Luật sư Trịnh Hương từ 2021 – 2023.	41

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

### **1. Tính cấp thiết của đề tài**

Trong quá trình toàn cầu hóa, hiện đại hóa hiện nay, các vấn đề trong xã hội ngày càng phức tạp. Đất nước hội nhập với thế giới kéo theo sự phát triển của kinh tế. Tuy nhiên, nền kinh tế càng phát triển, sự gia tăng của các tranh chấp trong kinh tế, kinh doanh thương mại, ... càng nhiều. Bên cạnh đó, nhu cầu nâng cao chất lượng cuộc sống ngày càng tăng, dẫn tới ngày càng có nhiều những tranh chấp trong các quan hệ dân sự như ly hôn, thừa kế, ... Chính vì vậy, để bảo vệ tối đa quyền và lợi ích cho bản thân, hạn chế những tranh chấp, mâu thuẫn không đáng có, họ cần phải nắm vững các kiến thức pháp luật. Nhưng thực tế, không phải ai cũng có thể làm được điều này, vậy nên họ thường tìm đến các công ty luật, văn phòng luật sư, ... để được tư vấn. Dịch vụ tư vấn pháp luật (sau đây gọi tắt là DVTVP) ngày càng phát triển và được nhiều người quan tâm, dẫn tới vai trò của Luật sư ngày càng được coi trọng, đòi hỏi Luật sư phải không ngừng hoàn thiện, trau dồi kiến thức, kỹ năng để đem đến hiệu quả tốt nhất cho khách hàng.

Hợp đồng DVTVP như một sợi dây ràng buộc về quyền và nghĩa vụ giữa bên Luật sư tư vấn và khách hàng (người sử dụng DVTVP). Thông qua hợp đồng, quyền lợi của người sử dụng DVTVP sẽ được đảm bảo bằng những điều khoản đã được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng; đồng thời những khách hàng đó cũng có nghĩa vụ thanh toán theo đúng thời gian các bên đã quy định trong đây. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam mới chỉ quy định về hợp đồng nói chung, hợp đồng dịch vụ nói riêng, chưa có quy định cụ thể về hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp lý; ngoài ra còn có sự khác biệt về khái niệm hợp đồng giữa các văn bản pháp luật. Do vậy, việc nghiên cứu về hợp đồng DVTVP, cũng như tìm hiểu những quy định của pháp luật về vấn đề giao kết hợp đồng là vô cùng quan trọng.

Chính từ thực trạng đó, xã hội đòi hỏi phải nghiên cứu một cách toàn diện, sâu sắc và đầy đủ về các chế định pháp luật về hợp đồng DVTVP, cũng như những quy định pháp luật về hoạt động giao kết hợp đồng. Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài “Giao kết hợp đồng DVTVP trong lĩnh vực dân sự từ thực tiễn tại Văn phòng Luật sư Trịnh Hương” có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc.

## 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Ngày càng có nhiều người lựa chọn sử dụng các DVTVPL đòi hỏi pháp luật Việt Nam điều chỉnh về hợp đồng DVTVPL cần ngày càng hoàn thiện hơn. Xuất phát từ tầm quan trọng đó, vấn đề này đã được nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu dưới nhiều góc độ và bình diện rộng hẹp khác nhau. Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như sau:

1) Hoàng Thị Vịnh (2014), “Hợp đồng dịch vụ pháp lý ở Việt Nam”, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội. Luận án đã tiếp cận nghiên cứu pháp luật hợp đồng dịch vụ pháp lý dựa trên các nội dung cơ bản bao gồm: Các quy định về chủ thể, về nội dung, về thực hiện, về điều kiện có hiệu lực và trách nhiệm do vi phạm hợp đồng dịch vụ pháp lý. Tác giả đã đưa ra những luận cứ logic để bước đầu xây dựng hệ thống lý luận về dịch vụ pháp lý và thương mại dịch vụ pháp lý cũng như thực tiễn về các quan hệ cung ứng dịch vụ pháp lý, trên cơ sở đó luận án xây dựng hệ thống lý luận khoa học về pháp luật, đưa ra các luận cứ khoa học, tính tất yếu khách quan đối với việc thiết lập chế định pháp luật về hợp đồng dịch vụ pháp lý. Luận án cũng đánh giá mức độ phù hợp của pháp luật hợp đồng dịch vụ pháp lý với thực tiễn hoạt động dịch vụ pháp lý đồng thời đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật về lĩnh vực này.

2) Lê Bình Phương (2017), “Hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh”, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học Xã hội. Luận văn của tác giả đã phân tích các vấn đề lý luận về hợp đồng dịch vụ pháp lý, thực trạng pháp luật về dịch vụ pháp lý, thực tiễn áp dụng pháp luật về dịch vụ pháp lý tại thành phố Hồ Chí Minh và đưa ra những giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật, cũng như nâng cao hiệu quả áp dụng hợp đồng dịch vụ pháp lý.

3) Đinh Thái Hoàng (2018), “Giao kết và thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý từ thực tiễn tỉnh Tây Ninh”, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học Xã hội. Luận văn của tác giả đã phân tích khái niệm và đặc điểm của dịch vụ pháp lý, về hoạt động giao kết hợp đồng dịch vụ pháp lý, thực tiễn giao kết và thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý tại tỉnh Tây Ninh và đưa ra phương hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả giao kết và thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý.

4) Nguyễn Mai Anh (2015), “Hợp đồng tư vấn pháp lý ở Việt Nam”, Luận văn thạc sĩ luật học, đã tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật về hợp đồng tư vấn

pháp lý, xây dựng khái niệm về hợp đồng tư vấn pháp lý đối chiếu với thực tiễn và đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về hợp đồng tư vấn pháp lý. Xuất phát từ giới hạn về phạm vi nghiên cứu là tư vấn pháp lý là một loại hình dịch vụ pháp lý của Tổ chức hành nghề luật sư nên luận văn chưa nghiên cứu chung ở các loại hình dịch vụ pháp lý về giao kết và thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý.

5) Phạm Công Lưu (2020), “Pháp luật về kinh doanh dịch vụ tư vấn pháp luật”, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường đại học luật, Đại học Huế. Luận văn của tác giả đã làm sáng tỏ lý luận về hoạt động kinh doanh dịch vụ tư vấn pháp luật, nêu ra và phân tích thực trạng pháp luật kinh doanh dịch vụ tư vấn pháp luật tại Việt Nam. Trên cơ sở nghiên cứu hiện trạng cơ chế pháp lý pháp luật kinh doanh dịch vụ tư vấn pháp luật, tác giả đã làm rõ những nội dung chưa được pháp luật giải quyết, cũng như đưa ra các kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Các công trình kể trên đã nêu ra được những vấn đề lý luận về hợp đồng dịch vụ pháp lý (sau đây gọi tắt là DVPL), thực tiễn thực hiện và áp dụng hợp đồng DVPL trong đời sống, những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp lý, cũng như nâng cao hiệu quả trong giao kết hợp đồng DVPL. Tuy nhiên, những vấn đề lý luận về hợp đồng DVTVPL trong các công trình trên chỉ chiếm một phần nhỏ, chưa được đi sâu và phân tích cụ thể.

Vì vậy, trong khóa luận tốt nghiệp của mình, em xin tiếp tục kế thừa các kết quả nghiên cứu trước đây. Trong khóa luận của mình, em sẽ thu nhỏ phạm vi nghiên cứu, chỉ tập trung làm rõ một số vấn đề lý luận của hợp đồng DVTVPL và hoạt động giao kết hợp đồng DVTVPL trong lĩnh vực dân sự, thực trạng pháp luật về hợp đồng DVTVPL và hoạt động giao kết hợp đồng DVTVPL và thực tiễn thực hiện tại Văn phòng luật sư Trịnh Hương, cùng với các giải pháp hoàn thiện.

### **3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu đề tài**

#### ***3.1. Mục đích nghiên cứu đề tài***

Làm sáng tỏ vấn đề lý luận và thực tiễn của pháp luật điều chỉnh hợp đồng DVTVPL, cũng như hoạt động giao kết hợp đồng DVTVPL trong lĩnh vực dân sự; trên cơ sở đó, nghiên cứu, đề xuất một số định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp đồng DVTVPL tại Việt Nam.

### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu đề tài:**

Thứ nhất, làm rõ vấn đề lý luận về hợp đồng DVTVPL, pháp luật điều chỉnh hợp đồng DVTVPL và hoạt động giao kết hợp đồng DVTVPL.

Thứ hai, phân tích nội dung cơ bản của pháp luật về hợp đồng DVTVPL; đánh giá những ưu, nhược điểm của pháp luật Việt Nam hiện hành về hợp đồng DVTVPL và hoạt động giao kết hợp đồng DVTVPL thông qua nghiên cứu các số liệu, hồ sơ tư vấn tại Văn phòng luật sư Trịnh Hương.

Cuối cùng, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về hợp đồng DVTVPL và hoạt động giao kết hợp đồng DVTVPL.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Khóa luận đã sử dụng những phương pháp:

Trong chương 1, sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, đánh giá nhằm làm rõ một số vấn đề lý luận cơ bản về hợp đồng DVTVPL và hoạt động giao kết hợp đồng DVTVPL.

Trong chương 2, sử dụng phương pháp thống kê, đánh giá, đưa ra các số liệu, các ví dụ cụ thể để làm rõ thực trạng về hoạt động giao kết hợp đồng DVTVPL.

Trong chương 3, sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp nhằm làm rõ nguyên nhân, đưa ra các giải pháp để hạn chế những bất cập trong hoạt động giao kết hợp đồng DVTVPL.

### **5. Bố cục khóa luận**

Ngoài phần Lời mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, khóa luận được triển khai với kết cấu ba chương như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự

Chương 2: Thực tiễn thực hiện pháp luật về giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự tại Văn phòng luật sư Trịnh Hương

Chương 3: Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự tại Văn phòng luật sư Trịnh Hương

## PHẦN NỘI DUNG

### CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ

#### 1.1. Lý luận chung về giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự

##### 1.1.1. Khái quát về hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật

##### 1.1.1.1. Tổng quan về tư vấn pháp luật và nhu cầu tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự

Tư vấn pháp luật là một DVPL, là hoạt động mang tính chất lao động trí óc có vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống xã hội, được nhiều người quan tâm. Ngày nay, khái niệm tư vấn pháp luật không còn là một khái niệm xa lạ. Trong các văn bản khác nhau định nghĩa về khái niệm này cũng khác nhau. Theo Từ điển luật học, “Tư vấn pháp luật” được hiểu là người có chuyên môn về pháp luật và được hỏi ý kiến để tham khảo khi giải quyết, quyết định công việc; việc tham gia ý kiến theo góc độ pháp luật với tư cách là cộng tác viên hoặc là làm dịch vụ. Trong Luật Luật sư năm 2006, sửa đổi, bổ sung 2012, tại khoản 1 Điều 28 lại quy định:

*“Tư vấn pháp luật là việc luật sư hướng dẫn, đưa ra ý kiến, giúp khách hàng soạn thảo các giấy tờ liên quan đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của họ. Luật sư thực hiện tư vấn pháp luật trong tất cả các lĩnh vực pháp luật.”<sup>1</sup>.*

Tại Điều 32 Luật trợ giúp pháp lý 2017 lại có định nghĩa như sau:

*“Tư vấn pháp luật là người thực hiện trợ giúp pháp lý tư vấn pháp luật cho người được trợ giúp pháp lý bằng việc hướng dẫn, đưa ra ý kiến, giúp soạn thảo văn bản liên quan đến tranh chấp, khiếu nại, vướng mắc pháp luật; hướng dẫn giúp các bên hòa giải, thương lượng, thống nhất hướng giải quyết vụ việc”<sup>2</sup>.*

Như vậy, có thể hiểu, tư vấn pháp luật là hoạt động mà những người có chuyên môn về pháp luật giải đáp pháp luật, hướng dẫn ứng xử đúng pháp luật, đưa ra hướng đi, hướng giải quyết vấn đề cho khách hàng nhằm giúp họ thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ; đồng thời cũng giúp Nhà nước phổ biến, tuyên truyền pháp luật đến người dân.

---

<sup>1</sup> Quốc Hội (2006), Luật luật sư, NXB Tư Pháp, Hà Nội

<sup>2</sup> Quốc Hội (2017), Luật Trợ giúp pháp lý, NXB Tư pháp, Hà Nội

Tư vấn pháp luật là hoạt động chuyên môn đòi hỏi người thực hiện tư vấn pháp luật phải có đủ các tiêu chuẩn nhất định. Người thực hiện tư vấn pháp luật có thể là luật sư, tư vấn viên pháp luật hoặc cộng tác viên tư vấn pháp luật.<sup>3</sup> Họ đều phải là những người có kiến thức pháp luật, kỹ năng và kinh nghiệm tư vấn, đồng thời phải tuân thủ quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp, tận tâm, nhiệt tình và chịu trách nhiệm cá nhân đối với hoạt động tư vấn pháp luật của mình.

Hiện có hai mô hình tư vấn pháp luật phổ biến, đó là:<sup>4</sup>

Tư vấn pháp luật của luật sư theo quy định của Luật Luật sư năm 2006 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2007): hoạt động này mang tính chuyên nghiệp, có thu thù lao hoặc phí dịch vụ.

Tư vấn pháp luật do các tổ chức đoàn thể xã hội thực hiện theo quy định của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật.<sup>5</sup> Hoạt động này được thực hiện thông qua các Trung tâm tư vấn pháp luật, mang tính chất xã hội và không nhằm mục đích thu lợi nhuận, do các tổ chức đoàn thể tự trang trải toàn bộ hoặc được nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí. Khác với hoạt động trợ giúp pháp lý của Nhà nước là giúp đỡ pháp lý miễn phí, mọi chi phí liên quan do nhà nước chi trả.

Hoạt động tư vấn pháp luật xuất hiện trong nhiều lĩnh vực khác nhau (dân sự, hình sự, kinh doanh thương mại, ...), nhưng bài viết này sẽ chỉ tập trung vào hoạt động tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự. Tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự bao gồm các tư vấn về các vấn đề pháp lý, phát sinh trong quan hệ dân sự được điều chỉnh bởi Luật dân sự, bao gồm:

Tư vấn pháp luật dân sự về kinh doanh thương mại: thành lập, hoạt động doanh nghiệp; giao kết và thực hiện hợp đồng; trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong và ngoài hợp đồng.

Tư vấn pháp luật dân sự trong các quan hệ dân sự như quan hệ trong lĩnh vực thừa kế (thừa kế theo di chúc, tranh chấp về tài sản thừa kế, ...), trong lĩnh vực đất đai (mua bán, chuyển quyền sở hữu và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ...) hay các quan hệ dân sự khác như tranh chấp trong hợp đồng (hợp đồng tặng cho, hợp đồng hứa thưởng, hợp đồng vay tài sản, ...).

---

<sup>3</sup> Chính phủ (2008), Nghị định 77/2008/NĐ-CP về Tư vấn pháp luật

<sup>4</sup> Luật Quang Huy, “*Phân tích sự tương đồng và khác biệt giữa hoạt động tư vấn pháp luật và hoạt động tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật*”

<sup>5</sup> Chính phủ (2008), Nghị định 77/2008/NĐ-CP về Tư vấn pháp luật

Tư vấn pháp luật dân sự về hôn nhân, gia đình (ly hôn, phân chia tài sản, giành quyền nuôi con, ...).

Tư vấn pháp luật dân sự về lao động như quan hệ lao động, về tiền lương, thời giờ làm việc, các tranh chấp xảy ra trong quan hệ lao động, bồi thường thiệt hại hoặc phạt vi phạm hợp đồng lao động, ...

Những đối tượng được tư vấn pháp luật thường rất đa dạng, thuộc nhiều tầng lớp khác nhau trong xã hội, bao gồm:

Khách hàng của luật sư: từ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đến cơ quan nhà nước đều có thể được luật sư cung cấp DVTVPL. Điểm khác biệt cơ bản giữa khách hàng của luật sư với các đối tượng được tư vấn khác là thông thường khách hàng phải trả phí DVPL, trừ trường hợp được luật sư tư vấn miễn phí.

Đối tượng thụ hưởng tư vấn pháp luật của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp chiếm phần đông dân cư trong xã hội, chủ yếu là được tư vấn pháp luật miễn phí (chiếm gần 70% khối lượng công việc tư vấn pháp luật của các tổ chức này), trong đó có: Thành viên của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (ví dụ: công đoàn viên, người lao động, nông dân, phụ nữ, thanh niên, cựu chiến binh ...);

Người nghèo, đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật;

Các doanh nghiệp, tổ chức và đối tượng khác: ngoài đối tượng được hưởng chính sách xã hội nói trên, các Trung tâm tư vấn pháp luật của các tổ chức đoàn thể còn thực hiện tư vấn pháp luật có thu phí ở mức thấp đối với doanh nghiệp và các cá nhân khác khi có yêu cầu.

Nhu cầu tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự:

Trong thời kỳ phát triển xã hội, phát triển kinh tế, thu nhập của người dân tăng khiến cho nhu cầu cuộc sống cũng tăng theo. Để có một cuộc sống chất lượng cao, chúng ta ngày càng tích lũy nhiều của cải. Bởi vậy, chúng ta ngày càng cẩn trọng hơn, dù là trong việc ký kết các hợp đồng có giá trị lớn hay là các giao dịch dân sự nhỏ. Chính vì mong muốn được bảo vệ quyền và lợi ích của bản thân một cách tốt nhất, ngày càng có nhiều người tìm đến các văn phòng luật sư, các công ty luật để được tư vấn, xây dựng hợp đồng sao cho chặt chẽ, tránh những thiệt hại, những việc đáng tiếc có thể xảy ra sau này do sai sót hay bởi thiếu kiến thức về pháp luật. Thông qua tư vấn pháp



luật, chúng ta có thể hạn chế tối đa những tranh chấp giữa các bên, những hoạt động có thể vi phạm pháp luật mà ta không biết rõ.

Bên cạnh đó, trình độ dân trí ngày một tăng. Khi đó, người dân bắt đầu quay lại xem xét những thủ tục, quan hệ pháp lý, hợp đồng dân sự cũ được xác lập trước đó không đúng quy định để khởi kiện giành lại quyền lợi cho mình. Tuy nhiên, không phải ai cũng nắm rõ những quy định pháp luật cụ thể, vậy nên họ tìm đến DVTVP để có thể bảo đảm quyền lợi của mình, lấy được phần lợi ích tài sản tối đa nhất. Lấy ví dụ từ thực tế, trải qua thời gian, nhu cầu sử dụng đất ngày càng tăng dẫn đến đất đai ngày càng có giá trị. Chính vì đất đai là một tài sản có giá trị vô cùng to lớn, vậy nên ngày càng có nhiều người có nhu cầu sử dụng dịch vụ tư vấn, thông qua những luật sư, những tư vấn viên pháp luật, xây dựng hợp đồng mua bán, chuyển nhượng chặt chẽ nhất, chủ động thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết mà pháp luật quy định nhằm đảm bảo quyền lợi cho các bên một cách tốt nhất, tránh được những tranh chấp có thể xảy ra sau này. Bên cạnh đó, tư vấn pháp luật cũng là một cách để người đó vừa bảo vệ bản thân khỏi những rủi ro khi giao kết hợp đồng (VD: hợp đồng bị vô hiệu do vi phạm pháp luật, hợp đồng bị lừa dối, ...), vừa được hiểu biết thêm về quy định pháp luật.

Ngoài những cá nhân thì các doanh nghiệp cũng tìm đến các luật sư, các tư vấn viên pháp luật để được tư vấn. Trong thời điểm hiện tại, với nền kinh tế hội nhập, môi trường luật pháp trong nước cũng tạo ra nhiều thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển, chủ động trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, để phù hợp với tình hình thực tế của xã hội, Nhà nước đã phải thường xuyên sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật, khiến cho các doanh nghiệp đôi lúc sẽ không nắm bắt được hết những cơ hội mình có thể tận dụng. Thông qua hoạt động tư vấn pháp luật, các doanh nghiệp có thể dễ dàng thực hiện các thủ tục đăng ký theo quy định của pháp luật (VD: Đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký giấy phép kinh doanh, ...); tham gia vào các hoạt động đầu tư; xây dựng, giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ; hay giao kết hợp đồng lao động đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Như vậy, có thể thấy được, xã hội ngày một phát triển, kéo theo việc các vấn đề xã hội ngày càng phức tạp. Chính lúc đó, các cá nhân, tổ chức lại càng quan tâm đến hoạt động tư vấn pháp luật và có nhu cầu sử dụng dịch vụ đặc biệt này. Trong tương lai, hoạt động tư vấn sẽ ngày một phát triển và trở nên phổ biến trong xã hội.

### ***1.1.1.2. Khái niệm, đặc điểm hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật***

Ở thời điểm hiện tại, chưa có văn bản nào quy định khái niệm cụ thể về hợp đồng DVTVPL, chỉ có khái niệm về hợp đồng nói chung và hợp đồng dịch vụ nói riêng.

Về bản chất, hợp đồng DVTVPL là một hợp đồng dịch vụ, vậy nên thông qua khái niệm “Hợp đồng”, “Hợp đồng dịch vụ”, chúng ta có thể phần nào hiểu Hợp đồng DVTVPL là gì.

Hợp đồng là một khái niệm có nguồn gốc lâu đời và thông dụng nhất, là một trong những chế định quan trọng của pháp luật Dân sự. Hợp đồng có những tên gọi khác nhau như thỏa thuận, khế ước, giao kèo, thỏa ước, ước định, hiệp ước mặc dù rất gần gũi, thiết yếu và quen thuộc với tất cả mọi người, nhưng khi hỏi nó là gì thì không phải ai cũng có thể định nghĩa được về nó. Thậm chí các luật gia cũng có những định nghĩa khác nhau. Tuy nhiên tất cả các định nghĩa đó đều có chung một hạt nhân hợp lý.

Có rất nhiều cách định nghĩa “Hợp đồng”, chẳng hạn:

Theo phương diện chủ quan: Hợp đồng là một giao dịch dân sự, trong đó các bên có sự thỏa thuận thống nhất ý chí với nhau nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự cho nhau.

Theo phương diện khách quan: Hợp đồng là một loại quan hệ xã hội được quy phạm pháp luật dân sự điều chỉnh và thể hiện dưới một hình thức nhất định.

Dưới góc độ pháp luật, khái niệm hợp đồng dân sự tại Việt Nam được quy định tại Điều 385 Bộ luật dân sự năm 2015, theo đó:

*“Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự”* <sup>6</sup> (Điều 385)

Đối với Hợp đồng dịch vụ, có thể hiểu hợp đồng dịch vụ là thuật ngữ được sử dụng trong nhiều bối cảnh khác nhau. Hợp đồng dịch vụ có thể được dùng dưới góc độ là quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh và cũng có thể thuật ngữ để chỉ các quy định pháp luật do Nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh các vấn đề liên quan đến cung ứng, sử dụng dịch vụ

Hợp đồng dịch vụ dưới góc độ là một quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh thì hợp đồng dịch vụ được thiết lập dựa trên ba yếu tố cơ bản: chủ thể, khách thể và nội

---

<sup>6</sup> Quốc Hội (2015), Điều 385, Bộ Luật Dân Sự 2015, NXB Tư Pháp, Hà Nội

dung. Theo đó, có thể hiểu hợp đồng dịch vụ là sự thỏa thuận giữa giữa bên cung ứng với bên sử dụng mà theo đó bên cung ứng thực hiện một công việc nhất định nhằm đem lại lợi ích cho bên sử dụng và bên sử dụng có nghĩa vụ trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng trên cơ sở các nội dung quy định về quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật.

Từ đó, Bộ luật Dân sự 2015 đã có quy định về Hợp đồng dịch vụ như sau:

*“Hợp đồng dịch vụ là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên sử dụng dịch vụ, bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ.”*<sup>7</sup> (Điều 513)

Ngoài ra, để hiểu thêm về Hợp đồng dịch vụ pháp luật Luật luật sư năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư năm 2012 không đưa ra định nghĩa về hợp đồng DVPL nhưng theo Khoản 1 Điều 26 Luật luật sư năm 2006 có quy định:

*“Luật sư thực hiện dịch vụ pháp luật theo hợp đồng dịch vụ pháp luật, trừ trường hợp luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng và luật sư hành nghề với tư cách cá nhân làm việc theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức.”*<sup>8</sup>

Như quy định tại Điều 4 Luật luật sư 2006, DVPL của luật sư bao gồm hoạt động tư vấn pháp luật.

Có cách hiểu rằng Hợp đồng tư vấn pháp lý là hợp đồng thuê luật sư, thể hiện sự thỏa thuận của giữa tổ chức, cá nhân hành nghề luật với khách hàng có nhu cầu sử dụng dịch vụ pháp lý tư vấn thường xuyên, trong đó, bên cung ứng dịch vụ thực hiện hoạt động tố tụng, tư vấn và các dịch vụ pháp lý khác theo trong hợp đồng dịch vụ pháp lý cho bên thuê dịch vụ, còn bên thuê dịch vụ phải trả tiền cho bên cung ứng dịch vụ. mẫu hợp đồng tư vấn pháp lý

Như vậy, từ cách hiểu trên cùng những quy định trong Luật Luật sư 2006 và BLDS năm 2015 có thể đưa ra định nghĩa về hợp đồng DVTVPPL như sau: “Hợp đồng DVTVPPL là một thỏa thuận bằng văn bản giữa tổ chức hành nghề luật sư và khách hàng, theo đó tổ chức hành nghề luật sư hướng dẫn, đưa ra ý kiến, giúp khách hàng

---

<sup>7</sup> Quốc Hội (2015), Điều 513, Bộ Luật Dân Sự 2015, NXB Tư Pháp, Hà Nội

<sup>8</sup> Quốc Hội (2006), Luật luật sư, NXB Tư Pháp, Hà Nội

soạn thảo các giấy tờ liên quan đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của họ và khách hàng phải trả phí, cho tổ chức hành nghề luật sư, trừ khi các bên có thoả thuận khác”.

**Đặc điểm của hợp đồng DVTVPL:**

Là hợp đồng song vụ: Cả hai bên cung ứng dịch vụ và bên sử dụng dịch vụ đều có quyền và nghĩa vụ nhất định khi tham gia giao dịch, trong đó quyền của bên này tương ứng với nghĩa vụ của bên kia và ngược lại. Bên cung ứng dịch vụ phải thực hiện các hành vi pháp lý theo yêu cầu của bên thuê dịch vụ còn bên thuê dịch vụ có nghĩa vụ tiếp nhận kết quả công việc và trả tiền công cho bên cung ứng dịch vụ.

Là hợp đồng có đền bù: Bên thuê dịch vụ phải trả tiền công cho bên cung ứng dịch vụ, khi bên cung ứng dịch vụ đã thực hiện công việc và mang lại kết quả như đã thoả thuận.

Là hợp đồng ưng thuận: Các chủ thể tự do thể hiện ý chí khi thoả thuận về nội dung của hợp đồng như: Đối tượng của hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên, địa điểm, thời hạn phương thức thực hiện hợp đồng, giải quyết tranh chấp bất đồng... và khi các bên đã xác lập, giao kết thì hợp đồng mang tính bắt buộc giữa các bên, việc từ chối hoặc chậm trễ thực hiện coi như vi phạm hợp đồng.

Về chủ thể của hợp đồng: Chủ thể cung ứng trong hợp đồng DVTVPL phải đáp ứng về kinh doanh có điều kiện: Hoạt động tư vấn pháp luật phải luôn gắn liền với pháp luật và chủ thể thực hiện, phải có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật mới được cung ứng dịch vụ tư vấn. Theo quy định tại khoản 2, Điều 7 Luật Đầu tư quy định về Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện được quy định tại Phụ lục 4 của Luật này thì hành nghề luật sư, hành nghề công chứng, hoạt động dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại và hành nghề thừa phát lại là những nghề kinh doanh có điều kiện.

Về đối tượng của hợp đồng: Là công việc trong lĩnh vực pháp lý có thể thực hiện được, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Người cung ứng dịch vụ bằng công sức, trí tuệ của mình để hoàn thành công việc đã nhận. Tuy nhiên, người cung ứng dịch vụ có thể sử dụng những người cộng sự giúp việc cho mình và phải chịu trách nhiệm về những sự việc xảy ra do lỗi của người cộng sự. Tuy nhiên, bên cung ứng dịch vụ không được giao cho người khác làm thay công việc nếu không có sự đồng ý của bên thuê dịch vụ.

Về hình thức của hợp đồng: Theo quy định của khoản 2 Điều 26 Luật luật sư năm 2006: “Hợp đồng DVPL phải được làm thành văn bản...”. Như vậy, luật chỉ ghi nhận duy nhất hình thức hợp đồng DVPL là văn bản”. Luật đã loại trừ các hình thức thể hiện sự thoả thuận của các bên thông qua lời nói hoặc các hành vi cụ thể.

Điểm khác biệt của hợp đồng tư vấn pháp luật so với các loại hợp đồng dịch vụ khác:

<b>Tiêu chí</b>	<b>Hợp đồng tư vấn pháp luật</b>	<b>Hợp đồng dịch vụ</b>
<b>Khái niệm</b>	Hợp đồng DVTVPPL là một thoả thuận bằng văn bản giữa tổ chức hành nghề luật sư và khách hàng, theo đó tổ chức hành nghề luật sư hướng dẫn, đưa ra ý kiến, giúp khách hàng soạn thảo các giấy tờ liên quan đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của họ và khách hàng phải trả phí, cho tổ chức hành nghề luật sư, trừ khi các bên có thoả thuận khác.	Hợp đồng dịch vụ là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên sử dụng dịch vụ, bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ.
<b>Đối tượng</b>	Là công việc trong lĩnh vực pháp lý có thể thực hiện được, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.  Có thể sử dụng những người cộng sự giúp việc cho mình và phải chịu trách nhiệm về những sự việc xảy ra do lỗi của người cộng sự. Tuy nhiên, việc này chỉ xảy ra nếu được bên sử dụng dịch vụ đồng ý. Trong thực tế, rất khó có thể chuyển giao công việc cho một người khác bởi tính chất công việc có liên quan chặt chẽ đến bí mật cá nhân của khách hàng hoặc của doanh nghiệp.	Là công việc có thể thực hiện được, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.  Bên cung ứng dịch vụ chỉ được giao cho người thứ ba thực hiện thay công việc cho mình nếu được bên sử dụng dịch vụ đồng ý.

Chủ thể thực hiện	Là tổ chức hành nghề luật sư (Luật sư, chuyên viên tư vấn pháp luật đang làm việc tại tổ chức hành nghề luật sư). Chủ thể thực hiện hoạt động phải có đủ các điều kiện đặc thù theo quy định của pháp luật mới được cung ứng dịch vụ tư vấn.  VD: Phải có chứng chỉ hành nghề luật sư, thẻ luật sư, ...	Là bất cứ ai làm ngành nghề, lĩnh vực đó, đáp ứng đủ những điều kiện mà công việc yêu cầu cần phải có.  VD: Dịch vụ vận tải hành khách thì phải đáp ứng yêu cầu về bằng lái xe, có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ...
Hình thức	Hợp đồng DVTVPL phải được lập thành văn bản, và pháp luật chỉ công nhận hình thức duy nhất là văn bản.	Hợp đồng dịch vụ có thể được thể hiện dưới dạng văn bản, lời nói hoặc hành vi cụ thể.

Phân biệt hợp đồng dịch vụ pháp lý và hợp đồng tư vấn pháp luật.

Hợp đồng dịch vụ pháp lý và hợp đồng tư vấn pháp luật đều là các thỏa thuận pháp lý giữa hai bên nhằm cung cấp dịch vụ pháp lý. Tuy nhiên, chúng có những điểm khác biệt sau:

Điểm giống:

- Cả hai loại hợp đồng đều liên quan đến việc cung cấp dịch vụ pháp lý.
- Cả hai đều cần có sự thỏa thuận giữa các bên về phí dịch vụ, thời gian thực hiện, phạm vi dịch vụ và các điều khoản khác liên quan.

Điểm khác biệt:

- Hợp đồng dịch vụ pháp lý thường đề cập đến việc cung cấp các dịch vụ pháp lý cụ thể như lập hợp đồng, đại diện tại tòa, điều tra, tư vấn pháp lý trong một vụ án cụ thể. Trong khi đó, hợp đồng tư vấn pháp luật thường tập trung vào việc cung cấp sự tư vấn và hướng dẫn về pháp luật cho khách hàng mà không cần thực hiện các dịch vụ pháp lý cụ thể.

- Trong hợp đồng dịch vụ pháp lý, các bên thường đề cập đến các trách nhiệm cụ thể mà bên cung cấp dịch vụ pháp lý phải thực hiện. Trong khi đó, trong hợp đồng tư

vấn pháp luật, người tư vấn thường chỉ có trách nhiệm tư vấn và hướng dẫn mà không thực hiện các dịch vụ pháp lý cụ thể.

- Hợp đồng dịch vụ pháp lý thường có thời hạn cụ thể tùy từng vụ án hoặc công việc cụ thể. Trong khi đó, hợp đồng tư vấn pháp luật thường không có thời hạn cụ thể và có thể kéo dài theo nhu cầu của khách hàng.

Tóm lại, điểm khác biệt chính giữa hợp đồng dịch vụ pháp lý và hợp đồng tư vấn pháp luật là mục tiêu và phạm vi cung cấp dịch vụ pháp lý của hai loại hợp đồng này.

### ***1.1.1.3. Phân loại hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật***

#### **Phân loại trên cơ sở chủ thể thực hiện dịch vụ**

Hợp đồng dịch vụ pháp lý mà bên cung ứng dịch vụ là Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân:

Đối với Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân thì theo quy định tại Điều 49 Luật Luật sư, Luật sư chỉ cung cấp dịch vụ pháp lý cho duy nhất cơ quan, tổ chức không phải tổ chức hành nghề luật sư mà giữa cơ quan, tổ chức đó với luật sư có giao kết hợp đồng lao động. Theo đó, các dịch vụ pháp lý mà luật sư cung cấp được thỏa thuận rõ trong hợp đồng lao động của luật sư với cơ quan, tổ chức. Và ngoài cơ quan, tổ chức mà luật sư ký kết hợp đồng lao động thì luật sư không được cung cấp dịch vụ pháp lý cho bất kỳ chủ thể nào khác.

Hợp đồng dịch vụ pháp lý mà bên cung ứng dịch vụ là tổ chức hành nghề luật sư:

Hầu hết các hợp đồng dịch vụ pháp lý hiện nay đều do tổ chức hành nghề luật sư đứng tên ký kết với khách hàng và cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng. Hiện nay, tổ chức hành nghề luật sư ở Việt Nam có hai hình thức chính là Văn phòng luật sư và Công ty luật. Đối với tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài hoạt động dưới các hình thức đó là Chi nhánh công ty luật nước ngoài, công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài và công ty Luật trách nhiệm hữu hạn dưới hình thức liên doanh. Khác với luật sư hành nghề với tư cách cá nhân, tổ chức hành nghề luật sư được cung cấp dịch vụ pháp lý cho bất kỳ chủ thể nào trong xã hội. Tổ chức hành nghề luật sư có đội ngũ luật sư thành viên, làm việc theo hợp đồng hoặc luật sư cộng sự (hợp tác). Trên cơ sở ký hợp đồng dịch vụ pháp lý, người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư có thể tự mình hoặc cử luật sư trong cùng tổ chức thực hiện công việc cho khách hàng theo thỏa

thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên, theo quy định của Nghị định 82/2020/NĐ-CP, Luật sư không được ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với khách hàng mà không thông qua tổ chức hành nghề luật sư hoặc không có văn bản ủy quyền của tổ chức hành nghề luật sư (điểm g khoản 3 Điều 6).

### **Phân loại căn cứ hình thức xác lập**

Hợp đồng dịch vụ pháp lý được giao kết bằng văn bản:

Hiện nay, các hợp đồng dịch vụ pháp lý trong lĩnh vực hành nghề luật sư được thể hiện chủ yếu dưới dạng văn bản để bên cung ứng dịch vụ pháp lý và bên sử dụng dịch vụ pháp lý có thể thỏa thuận và ghi nhận rõ các điều khoản trong hợp đồng. Đồng thời khi một trong hai bên vi phạm nghĩa vụ thì hợp đồng dịch vụ pháp lý bằng văn bản là căn cứ rõ ràng để các bên có thể xác định trách nhiệm, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ gây ra. Nếu có xảy ra tranh chấp giữa luật sư và khách hàng mà phải giải quyết tại tòa án thì hợp đồng dịch vụ pháp lý bằng văn bản là nguồn chứng cứ quan trọng có giá trị chứng minh để tòa án xác minh giải quyết theo yêu cầu của đương sự.

Hợp đồng dịch vụ pháp lý được giao kết bằng lời nói:

Đối với trường hợp dịch vụ pháp lý được cung cấp bởi các chủ thể không phải là luật sư, tổ chức hành nghề luật sư thì việc cung cấp dịch vụ pháp lý có thể được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận của các bên bằng lời nói hoặc bằng văn bản, miễn là thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm của pháp luật. Còn trong lĩnh vực hành nghề luật sư thì hợp đồng dịch vụ pháp lý chỉ có thể giao kết bằng văn bản (Điều 26 Luật Luật sư 2006) kể cả trường hợp vụ việc có mức thù lao dưới 200.000 đồng mặc dù không phải ký hợp đồng dịch vụ pháp lý nhưng vẫn phải lập phiếu thỏa thuận thực hiện dịch vụ pháp lý là văn bản (khoản 3 Điều 5 Thông tư 17/2011/TT-BTP - hết hiệu lực ngày 10/8/2021).

### **Phân loại căn cứ phạm vi thực hiện dịch vụ**

Hợp đồng dịch vụ pháp lý ngoài tổ tụng:

Dịch vụ pháp lý ngoài tổ tụng là dịch vụ cung cấp công việc có liên quan đến pháp luật được giải quyết không qua thủ tục tố tụng tại Tòa án. Các hợp đồng dịch vụ pháp lý ngoài tổ tụng của luật sư bao gồm:



+ Hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật: Hợp đồng tư vấn pháp luật là hợp đồng mà theo đó, Luật sư bằng năng lực và kinh nghiệm của mình, tư vấn pháp luật cho khách hàng trong tất cả lĩnh vực pháp luật bằng cách đưa ra hướng dẫn, ý kiến và/hoặc giúp đỡ khách hàng soạn thảo các giấy tờ liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của khách hàng (Điều 28 Luật luật sư). Có thể nói tư vấn pháp luật là công việc mà luật sư luôn phải tiến hành khi tiếp nhận bất cứ vụ việc nào (kể cả tham gia tố tụng) nhằm phân tích cho khách hàng hiểu tính chất của vụ việc và quy định của pháp luật điều chỉnh, đồng thời nêu ra giải pháp hoặc các công việc cần thiết mà khách hàng cần phải làm để giải quyết vụ việc. Các ý kiến tư vấn về pháp luật của luật sư phải có tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở bảo vệ quyền lợi tốt nhất cho khách hàng và đồng thời luật sư phải chịu trách nhiệm về các tư vấn của mình. Trên thực tế, loại hợp đồng này thường được các tổ chức hành nghề luật sư ký với khách hàng có tên gọi "Hợp đồng dịch vụ pháp lý - Về việc tư vấn pháp luật" nghĩa là sau khi các bên ký kết hợp đồng, khách hàng có thể yêu cầu luật sư tư vấn pháp luật đối với bất cứ vấn đề pháp lý nào và vào bất cứ thời gian nào (theo thỏa thuận) trong khoảng thời gian mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ pháp lý (1 tháng, 1 năm...), phương thức tư vấn của luật sư có thể thực hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi trực tiếp thực hiện công việc. Có thể thấy, hợp đồng tư vấn pháp luật là loại hợp đồng phổ biến nhất và được khách hàng yêu cầu giao kết nhiều bởi việc tư vấn pháp luật của Luật sư sẽ nhằm thỏa mãn ngay nhu cầu được hỗ trợ về pháp luật của khách hàng.

Hợp đồng đại diện ngoài tố tụng:

Đại diện ngoài tố tụng là việc Luật sư đại diện cho khách hàng để giải quyết các công việc liên quan đến việc mà luật sư đã nhận theo phạm vi, nội dung được ghi trong hợp đồng dịch vụ pháp lý theo sự phân công của cơ quan, tổ chức nơi luật sư hành nghề với tư cách các nhân làm việc theo hợp đồng lao động (Điều 29 Luật luật sư). Hợp đồng đại diện ngoài tố tụng là hợp đồng được xác lập trên sự thỏa thuận của Luật sư và khách hàng, theo đó, luật sư thay mặt khách hàng (đại diện theo ủy quyền) tham gia giao dịch dân sự, kinh doanh thương mại, hành chính, lao động... nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng. Nội dung của hợp đồng phải được các bên thỏa thuận rõ về công việc mà Luật sư đại diện, phạm vi công việc, thời gian thực hiện, chi phí đại diện, quyền và nghĩa vụ của các bên.

Các chủ thể trong xã hội khi tham gia vào bất cứ quan hệ pháp luật hay giao dịch dân sự nào, nếu không có sự chắc chắn về quan điểm hoặc hiểu biết pháp luật còn hạn chế thì họ có khả năng bị chủ thể khác xâm phạm quyền và lợi ích chính đáng thể hiện ở những điều khoản bất lợi trong hợp đồng. Những trường hợp này, các chủ thể đó có thể yêu cầu luật sư đại diện cho họ, thông qua ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý và được sự ủy quyền của khách hàng, luật sư thay mặt họ làm việc với chủ thể khác để đàm phán những điều khoản có lợi cho khách hàng. Đối với công việc là thủ tục hành chính thực hiện tại các cơ quan nhà nước, luật sư thay mặt khách hàng thực hiện công việc đúng thời hạn và đúng quy định pháp luật, nếu có vi phạm nghiêm trọng thì có thể tiến hành khiếu nại để đảm bảo quyền lợi của khách hàng.

Hợp đồng dịch vụ pháp lý trong tố tụng:

Hợp đồng dịch vụ pháp lý trong tố tụng là hợp đồng được xác lập dựa trên sự thỏa thuận giữa tổ chức hành nghề luật sư và khách hàng về việc cử Luật sư trong tổ chức hành nghề luật sư tham gia bào chữa hoặc bảo vệ quyền và lợi ích cho khách hàng hoặc cho người thứ ba. Cho nên có thể hiểu hợp đồng dịch vụ pháp lý này có thể được ký kết giữa đại diện của tổ chức hành nghề luật sư với người có nhu cầu được bảo vệ, được bào chữa hoặc người đại diện theo pháp luật của họ. Hoạt động tham gia tố tụng là lĩnh vực pháp lý trọng tâm của luật sư trong hoạt động hành nghề. Những vụ án phải giải quyết thông qua thủ tục tố tụng tại Tòa án thường có tính chất phức tạp, rất phức tạp, đối tượng của hợp đồng là công việc phải thực hiện tại cơ quan tiến hành tố tụng và nhiều cơ quan, tổ chức khác có liên quan cho nên nội dung của các hợp đồng dịch vụ pháp lý trong tố tụng được các bên xem xét kỹ và có những điều khoản chặt chẽ. Trên cơ sở hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký kết, Luật sư được phân công tiếp nhận vụ việc sẽ thay mặt cho khách hàng làm việc trực tiếp với các cơ quan và người tiến hành tố tụng để được cơ quan tiến hành tố tụng cấp giấy chứng nhận người bào chữa, giấy chứng nhận người bảo vệ quyền lợi của khách hàng trong vụ án hình sự hoặc giấy chứng nhận người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính. Trong suốt quá trình tham gia tố tụng, Luật sư có vai trò là người đưa ra những chứng cứ, những quan điểm, luận cứ của mình để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng.

**Phân loại căn cứ nội dung công việc trong hợp đồng dịch vụ**

Dựa trên căn cứ phân loại này thì hợp đồng dịch vụ pháp lý có thể được phân loại như sau: Hợp đồng dịch vụ pháp lý liên quan đến các quy định về chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự như thực hiện thủ tục thành lập pháp nhân, thành lập tổ chức, doanh nghiệp; giải thể tổ chức, doanh nghiệp; thay mặt khách hàng nộp đơn yêu cầu tòa án giải quyết việc dân sự về những vấn đề liên quan đến chủ thể như tuyên bố một người bị mất năng lực hành vi dân sự, yêu cầu tòa án quyết định tuyên bố một người là đã chết...; Hợp đồng dịch vụ pháp lý liên quan đến xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch dân sự; Hợp đồng dịch vụ pháp lý liên quan đến việc thực hiện các quy định về tài sản và các quyền đối với tài sản; Hợp đồng dịch vụ pháp lý liên quan đến xác lập, thực hiện, chấm dứt từng loại hợp đồng cụ thể; Hợp đồng dịch vụ pháp lý liên quan đến các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Hợp đồng dịch vụ pháp lý liên quan đến bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Hợp đồng dịch vụ pháp lý liên quan đến các vấn đề về thừa kế...

### ***1.1.2. Khái quát về giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp lý trong lĩnh vực dân sự***

#### ***1.1.2.1. Khái niệm, bản chất giao kết hợp đồng***

Hiện nay, pháp luật Việt Nam vẫn chưa có định nghĩa cụ thể về việc giao kết hợp đồng. Do hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự nên khi giao kết hợp đồng, các bên phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự được quy định tại Điều 3 Bộ luật dân sự 2015. Cùng với thực tiễn giao dịch giữa các cá nhân, tổ chức trong xã hội, chúng ta có thể hiểu nôm na khái niệm giao kết hợp đồng như sau:

Giao kết hợp đồng là việc các bên bày tỏ với nhau ý chí về việc xác lập, thay đổi hay chấm dứt các quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng thông qua quá trình bàn bạc, trao đổi, thương lượng trên cơ sở tuân theo nguyên tắc do pháp luật quy định. Thông qua giao kết hợp đồng, các bên sẽ đạt được một lợi ích nhất định.

Bản chất của giao kết hợp đồng dân sự là sự thỏa thuận, trong đó, các bên thực hiện sự bày tỏ và thống nhất ý chí nhằm hướng tới những lợi ích nhất định. Bản chất của giao kết hợp đồng được thể hiện như sau:

Các bên tự do giao kết hợp đồng: Việc các bên giao kết hợp đồng hoàn toàn dựa vào ý chí của các bên. Các bên chủ thể khi giao kết hợp đồng được quyết định mọi vấn

đề liên quan đến hợp đồng, tự đặt ra các điều khoản trong hợp đồng mà không có bất kỳ cá nhân, tổ chức nào, kể cả Nhà nước được can thiệp, làm thay đổi ý chí của các bên chủ thể. Tức là nội dung hợp đồng mà các bên giao kết hoàn toàn phụ thuộc vào mong muốn của các bên, và cá nhân, tổ chức khác không được đe dọa, bắt ép các chủ thể đó phải thêm vào những điều khoản trái với ý muốn của chủ thể giao kết. Tuy nhiên, tự do không có nghĩa là các bên được giao kết trái với pháp luật, trái với đạo đức xã hội. Tất cả các nội dung giao kết đều phải tuân thủ theo đúng quy định pháp luật và phù hợp với những chuẩn mực mà xã hội đề ra và áp dụng.

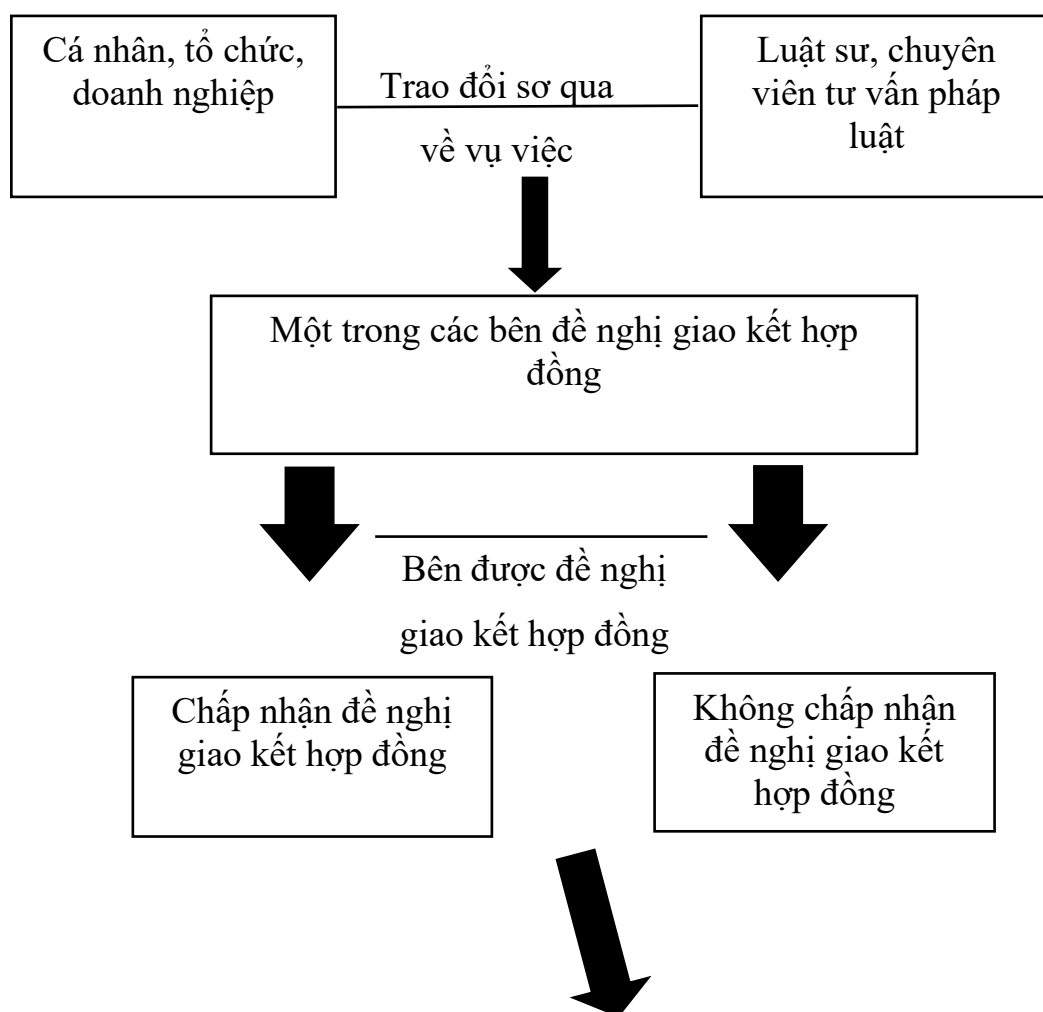
Các bên tự nguyện giao kết hợp đồng: Tự nguyện giao kết hợp đồng nghĩa là các bên với thiện chí của mình mong muốn được giao kết với bên còn lại. Việc giao kết này không bị tác động bởi bất kỳ cá nhân, tổ chức nào, hay có thể hiểu việc giao kết này là do các bên tự thực hiện theo ý chí của mình, không bị ai đe dọa, dụ dỗ hay ép buộc họ. Những hợp đồng được giao kết mà không có sự tự nguyện của các bên sẽ không được pháp luật thừa nhận. Ý chí tự nguyện chính là sự thống nhất giữa ý muốn chủ quan bên trong và sự bày tỏ ý chí đó ra bên ngoài. Vì vậy, để xác định một hợp đồng dân sự có được lập với sự tự nguyện của các bên hay không, cần phải dựa vào sự thống nhất ý chí của người giao kết hợp đồng và sự thể hiện ý chí đó trong nội dung của hợp đồng mà người đó đã giao kết.

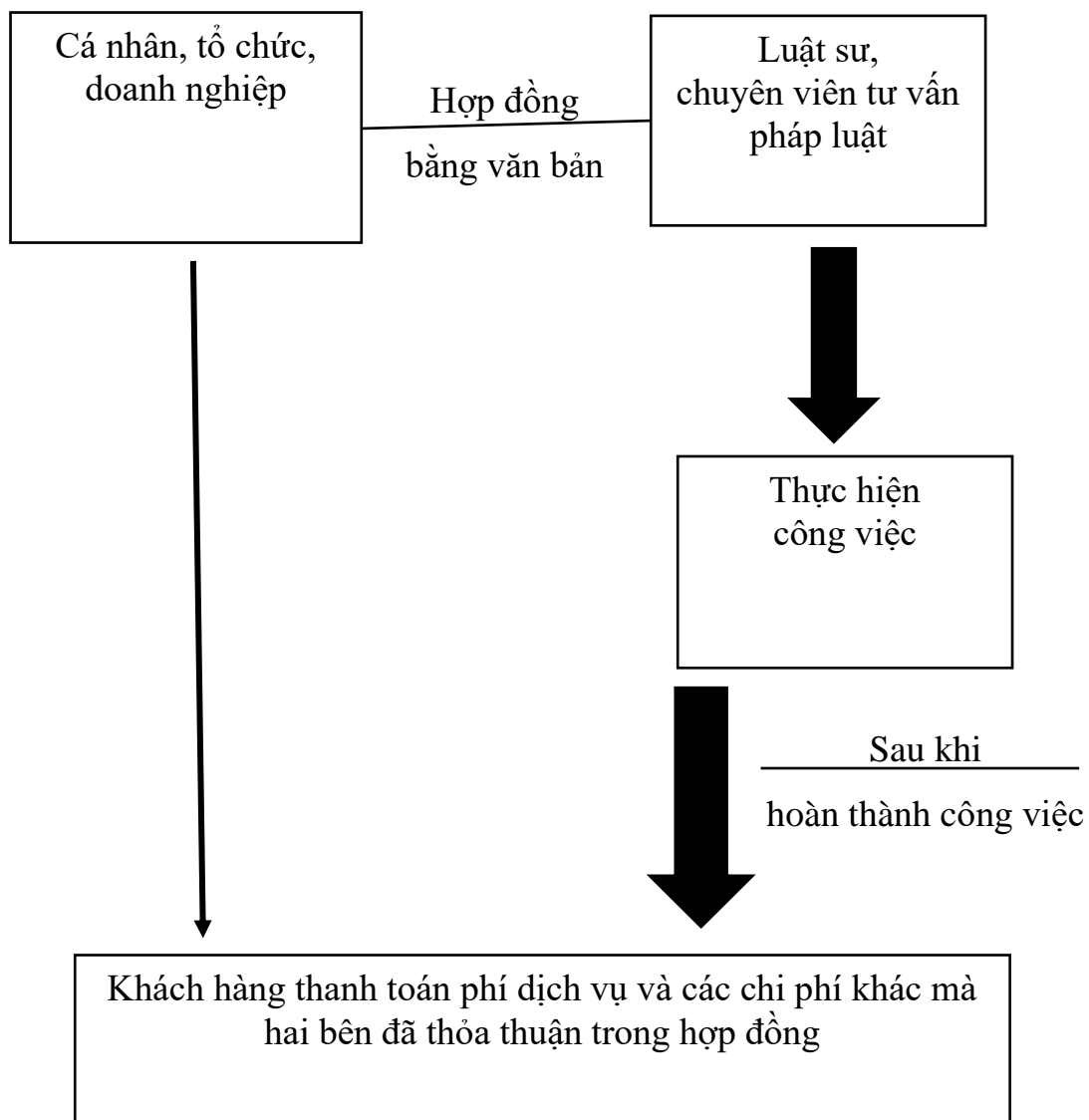
Các bên bình đẳng trong giao kết hợp đồng: Khi giao kết hợp đồng, vị thế của các các bên chủ thể là tương đương nhau, không bởi vì lí do khác biệt về thành phần xã hội, dân tộc, giới tính, tôn giáo, hoàn cảnh kinh tế v.v. mà làm biến dạng các quan hệ dân sự. Bình đẳng ở đây không có nghĩa là các bên phải được hưởng lợi ích giống hệt nhau, mà họ sẽ được nhận những lợi ích phù hợp với hoàn cảnh, mức độ công việc mà họ đã hoàn thành được.

Các bên có thái độ thiện chí, hợp tác khi giao kết hợp đồng: Các bên thân thiện, vui vẻ, cùng nhau hợp tác, cố gắng để công việc đạt được kết quả cao nhất, hợp tác, giúp đỡ nhau sao cho đôi bên cùng có lợi. Thái độ thiện chí có thể thể hiện khi đề nghị giao kết và chấp nhận giao kết hợp đồng, khi các bên thực hiện công việc của mình, đề ra những mục tiêu, những phương án giải quyết vấn đề sao cho hiệu quả công việc đạt được kết quả tốt nhất và khi xảy ra những sự cố, các bên sẽ cùng nhau tìm ra hướng đi, cách giải quyết khắc phục tối đa hậu quả.

Khi giao kết hợp đồng, các bên cần có sự trung thực và ngay thẳng: Trung thực có nghĩa là thật thà, ngay thẳng, không dối trá. Trong giao kết hợp đồng, trung thực thể hiện thái độ thiện chí và sự tự nguyện của các bên. Khi các bên cung cấp thông tin cho đối phương, sự trung thực sẽ giúp cho các bên nắm bắt được các thông tin về sản phẩm, dịch vụ một cách chính xác, từ đó Văn phòng đó có thể xác định việc có nên giao kết với bên kia hay không. Tính trung thực cũng giúp cho các bên giảm thiểu việc hợp đồng bị vô hiệu do lừa dối, giả tạo, khiến cho các bên phải tham gia vào những tranh chấp không đáng có hoặc gây mất thời gian, tiền bạc, công sức cho cả hai bên.

#### ***1.1.2.2. Quá trình giao kết hợp đồng***





Về trình tự giao kết hợp đồng:

Đề nghị giao kết hợp đồng là việc thể hiện rõ ý định giao kết hợp đồng và chịu sự ràng buộc về đề nghị này của bên đề nghị đối với bên đã được xác định hoặc tới công chúng (sau đây gọi chung là bên được đề nghị).

Một lời đề nghị được coi là đề nghị giao kết hợp đồng thì phải chứa đựng một số yếu tố cơ bản sau:

Thể hiện rõ được nguyện vọng muốn đi đến giao kết hợp đồng của bên đề nghị.

Phải có chứa toàn bộ mọi điều kiện cơ bản của hợp đồng.

Phải xác định rõ bên được đề nghị.

Yêu cầu về thời hạn trả lời là không bắt buộc: Theo BLDS 2015 còn dự liệu cả trường hợp đề nghị có thời hạn trả lời và đề nghị không có thời hạn trả lời.

Việc đề nghị giao kết hợp đồng có thể được thực hiện bằng nhiều cách khác nhau: người đề nghị có thể trực tiếp (đối mặt) với người được đề nghị để trao đổi, thỏa thuận hoặc có thể thông qua điện thoại...Ngoài ra, lời đề nghị còn được chuyển giao bằng công văn, giấy tờ...

Chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng là việc bên được đề nghị chấp nhận lời đề nghị (bên B) và tiến hành việc giao kết hợp đồng với bên đã đề nghị (bên A).

Câu trả lời của bên B không phải trong mọi trường hợp đều được coi là chấp nhận giao kết hợp đồng. Câu trả lời được coi là chấp nhận giao kết hợp đồng khi bên B chấp nhận toàn bộ và vô điều kiện các nội dung đề nghị mà bên A đã nêu. Nếu câu trả lời của bên B không đáp ứng được một trong hai yêu cầu đó thì sẽ được coi là lời đề nghị mới và cần có câu trả lời của bên A. Quá trình này có thể lặp đi lặp lại nhiều lần cho đến khi có được chấp nhận giao kết hợp đồng đúng yêu cầu thì hợp đồng sẽ được coi là giao kết.

Nếu như bên B không trả lời đề nghị thì sự im lặng đó được coi là lời từ chối giao kết hợp đồng.

Một số vấn đề khác liên quan đến quá trình giao kết hợp đồng:

Hình thức giao kết hợp đồng: Hợp đồng phải được lập thành văn bản.

Thời điểm đề nghị giao kết hợp đồng có hiệu lực được xác định như sau:

Các bên có thể đề nghị ấn định thời điểm giao kết hợp đồng hoặc nếu không có đề nghị thì hợp đồng sẽ có hiệu lực từ thời điểm bên được đề nghị nhận được đề nghị đó

Các trường hợp sau đây được coi là đã nhận được đề nghị giao kết hợp đồng: Đề nghị được chuyển đến nơi cư trú, nếu bên được đề nghị là cá nhân; được chuyển đến trụ sở, nếu bên được đề nghị là pháp nhân; đề nghị được đưa vào hệ thống thông tin chính thức của bên được đề nghị; khi bên được đề nghị biết được đề nghị giao kết hợp đồng thông qua các phương thức khác.

Địa điểm giao kết hợp đồng do các bên thỏa thuận; nếu không có thỏa thuận thì địa điểm giao kết hợp đồng là nơi cư trú của cá nhân hoặc trụ sở của pháp nhân đã đưa ra đề nghị giao kết hợp đồng. Đối với hợp đồng DVTVPL, do khách hàng thường ký

kết hợp đồng khi đến gặp luật sư và đồng ý sử dụng dịch vụ tư vấn, nên hợp đồng có thể được ký tại địa điểm đó.

Bên đề nghị giao kết hợp đồng có thể hủy bỏ đề nghị nếu đã nêu rõ quyền này trong đề nghị và bên được đề nghị nhận được thông báo về việc hủy bỏ đề nghị trước khi người này gửi thông báo chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng.

Trong quá trình trao đổi trước khi giao kết hợp đồng, luật sư được từ chối nhận vụ việc của khách hàng trong các trường hợp sau đây:

Một là, luật sư không đủ khả năng chuyên môn hoặc điều kiện thực tế để thực hiện vụ việc;

Hai là, khách hàng thông qua người khác yêu cầu luật sư mà người này có biểu hiện lợi dụng tư cách đại diện cho khách hàng để mưu cầu lợi ích cá nhân làm ảnh hưởng đến uy tín của luật sư và quyền lợi hợp pháp của khách hàng;

Ba là, khách hàng yêu cầu DVPL của luật sư với ý định lợi dụng dịch vụ đó cho mục đích khác hoặc khách hàng không tự nguyện mà bị phụ thuộc theo yêu cầu không chính đáng của người khác;

Bốn là, có căn cứ rõ ràng xác định khách hàng đã cung cấp chứng cứ giả hoặc yêu cầu của khách hàng không có cơ sở, trái đạo đức, trái pháp luật;

Năm là, có sự xung đột về quyền lợi vật chất hay tinh thần đã xảy ra hoặc có khả năng xảy ra giữa hai hay nhiều khách hàng của luật sư; giữa luật sư, nhân viên, vợ, chồng, con, cha mẹ, anh em của luật sư với khách hàng trong cùng một vụ việc hoặc trong những vụ việc khác có liên quan đến vụ việc đó;

Sáu là, khách hàng có thái độ không tôn trọng luật sư và nghề luật sư và không thay đổi thái độ này.

Khi giao kết hợp đồng DVTVP, hợp đồng sẽ thể hiện dưới hình thức tư vấn pháp luật thường xuyên hoặc tư vấn pháp luật theo vụ việc. Hợp đồng tư vấn pháp luật thường xuyên thường là hợp đồng ký kết với các doanh nghiệp, bởi lẽ xã hội phát triển, hoạt động giao thương trong và ngoài nước không ngừng đẩy mạnh, các doanh nghiệp đã quan tâm hơn đến yếu tố pháp lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày. Vì vậy, họ cần có đội ngũ hỗ trợ, tư vấn để được cập nhật những quy định mới nhất của pháp Luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, cũng như rà soát, soạn thảo các hồ sơ pháp lý doanh nghiệp và các văn bản hành chính – pháp lý nội bộ công ty. Bên



cạnh đó, doanh nghiệp cũng là nơi tạo công ăn việc làm cho nhiều người lao động, nên các doanh nghiệp cũng cần cập nhật những quy định pháp luật một cách nhanh chóng, vừa đảm bảo doanh nghiệp hoạt động đúng theo những gì luật định, vừa tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động yên tâm hoạt động, sản xuất. Những vấn đề mà doanh nghiệp cần tư vấn có thể kể đến như giao kết hợp đồng lao động, các chính sách của Nhà nước về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, giải quyết khi người lao động và người sử dụng lao động xảy ra tranh chấp, ... Đối với hợp đồng tư vấn pháp luật theo vụ việc, các luật sư, chuyên viên tư vấn sẽ chỉ tư vấn những vấn đề và quy định pháp luật liên quan đến một vấn đề nhất định mà bên sử dụng dịch vụ đưa ra. Loại hợp đồng này thường liên quan đến những vấn đề như tranh chấp tài sản thừa kế, chuyển nhượng bất động sản, ... hoặc khi doanh nghiệp không cần tư vấn thường xuyên, chỉ cần tư vấn, hỗ trợ trong một, hai vụ việc nhất định.

#### ***1.1.2.3. Vai trò của giao kết hợp đồng***

Giao kết hợp đồng sẽ tạo hành lang pháp lý an toàn cho các chủ thể tham gia hợp đồng. Khi giao kết hợp đồng, các bên có quyền tự do, tự nguyện giao kết hợp đồng. Các bên có quyền tự đặt ra những điều khoản theo sự thỏa thuận của các bên. Tuy nhiên, những điều khoản đó không được trái với quy định của pháp luật và những chuẩn mực mà xã hội đề ra. Ngoài những điều khoản về nội dung các bên giao kết trong hợp đồng, họ còn có thể đặt ra những biện pháp chế tài xử phạt khi bên kia xảy ra vi phạm, các trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi có thiệt hại xảy ra. Tóm lại, giao kết hợp đồng chính là cách đặt ra khuôn khổ cho các bên, vừa để các bên tự do thỏa thuận mà không vi phạm đến pháp luật, vừa đặt ra quyền và nghĩa vụ để các bên đảm bảo thực hiện hợp đồng.

Giao kết hợp đồng là cơ sở để giải quyết khi tranh chấp xảy ra. Khi có tranh chấp thì chính những thỏa thuận của các bên sẽ là chứng cứ quan trọng để xác định trách nhiệm của mỗi người. Theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành, giao kết hợp đồng có thể thể hiện thông qua văn bản, lời nói hoặc bằng một hành vi cụ thể. Tuy nhiên, nội dung của hợp đồng tư vấn pháp luật là một công việc có tính phức tạp đòi hỏi sự hiểu biết chuyên sâu về pháp luật và kỹ năng, kinh nghiệm của luật sư. Vậy nên để đảm bảo lợi ích của các bên tham gia hợp đồng, tránh rủi ro, mâu thuẫn, hợp đồng tư

vấn pháp luật phải được làm thành văn bản (Luật Luật sư 2006, sửa đổi, bổ sung 2012)<sup>9</sup>.

Giao kết hợp đồng đảm bảo sự ổn định các quan hệ sở hữu tài sản. Khi một hoặc các bên vi phạm thì hợp đồng dân sự vô hiệu, bên vi phạm phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi cho chính họ, ví dụ: bị phạt cọc... Việc quy định này có ý nghĩa khắc phục những thiệt hại cho bên vi phạm, đồng thời còn tạo nên sự công bằng xã hội, tạo sự ổn định trong giao lưu tài sản, góp phần ổn định trong quan hệ sở hữu tài sản.

Giao kết hợp đồng đảm bảo cho việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Những cam kết của các chủ thể tham gia hợp đồng là căn cứ quan trọng để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra xem các chủ thể đó có thực hiện nghiêm túc theo quy định của pháp luật hay không. Đồng thời áp dụng các biện pháp chế tài cho các bên vi phạm khi cần thiết.

#### ***1.1.2.4. Phân loại giao kết hợp đồng dịch vụ tư pháp pháp lý trong lĩnh vực dân sự***

Dựa vào khái niệm cùng hình thức giao kết hợp đồng dịch vụ có thể phân hợp đồng dịch vụ thành 2 loại chính là loại giao kết bằng văn bản và giao kết bằng miệng.

##### **Hợp đồng miệng (bằng lời nói):**

Theo quy định thời điểm hình thành hợp đồng miệng là thời điểm các bên đã thỏa thuận về nội dung của hợp đồng (khoản 3, điều 400, BLDS 22015). Tuy nhiên pháp luật không nói rõ đó là thời điểm cụ thể nào nên trên thực tế, nếu các bên giao kết hợp đồng bằng lời nói thì cần chú ý thời điểm giao kết là thời điểm mà các bên đã hiểu rõ về nội dung cơ bản của hợp đồng (chấp thuận thực hiện nó trong điều kiện hiểu biết đó).

VD: Bên mua mua hàng tươi sống ngoài chợ, hai bên đã thống nhất về giá cả, số lượng, khối lượng giao dịch cụ thể không có sự hiểu nhầm nào cả. Các bên đồng ý thực hiện và chuyển giao (tiền và hàng) thì thời điểm giao kết là thời điểm vào liền trước thời điểm các bên đồng ý chuyển giao và thực hiện các nghĩa vụ liên quan (tiền và hàng).

---

<sup>9</sup> Quốc Hội (2006), Luật luật sư, NXB Tư Pháp, Hà Nội

### **Hợp đồng bằng văn bản:**

Theo quy định, thời điểm giao kết hợp đồng bằng văn bản là thời điểm bên sau cùng ký vào văn bản hay bằng hình thức chấp nhận khác được thể hiện trên văn bản (khoản 4, điều 400, BLDS 2015).

Ngoài ra, theo quy định hình thức giao dịch dân sự, trường hợp luật quy định giao dịch dân sự phải được thể hiện bằng văn bản có công chứng, chứng thực, đăng ký thì phải tuân theo quy định đó (khoản 2, Điều 119, BLDS 2015).

Như vậy, hợp đồng bằng văn bản được giao kết (hình thành), được hiểu như sau:

Hai bên ký trực tiếp vào hợp đồng (thời điểm bên sau cùng ký vào hợp đồng là thời điểm giao kết). Nếu không ký được, các bên có thể sử dụng các hình thức điểm chỉ, lăn tay, các hình thức nhận dạng khác (thời điểm bên sau cùng điểm chỉ, lăn tay, thực hiện các hình thức nhận dạng khác vào hợp đồng là thời điểm giao kết).

Ngoài ra thời điểm hợp đồng được công chứng, chứng thực hay đăng ký (các trường hợp theo quy định) cũng được xem là thời điểm hợp đồng hình thành tùy theo thỏa thuận và quy định cụ thể của pháp luật.

Ngoài ra, còn 2 loại hợp đồng được giao kết như sau:

### **Hợp đồng giao kết qua đề nghị giao kết và chấp thuận giao kết:**

Nếu các bên không có điều kiện giao kết trực tiếp bằng văn bản theo thông lệ (ký trực tiếp trong văn bản hợp đồng thống nhất) thì các bên có thể giao kết thông qua đề nghị giao kết và chấp nhận giao kết. Theo quy định, trong trường hợp này, Hợp đồng được giao kết vào thời điểm bên đề nghị nhận được chấp nhận giao kết (khoản 1, Điều 400, BLDS 2015).

VD: bên bán hàng có thư chào hàng nội thất văn phòng gửi đến bên mua cụ thể kèm theo các điều kiện mua bán hàng hóa, ưu đãi, chiết khấu .... Bên mua sau khi nhận được chào hàng của bên bán đã phản hồi đồng ý mua bán hàng với giá cả, số lượng, chất lượng như chào hàng... tuy nhiên hai bên không ký hợp đồng (bằng văn bản) sau đó. Theo sự đồng ý của bên mua phù hợp với tiêu chí của nội dung chào hàng, bên bán đã nhận phản hồi đó và bắt đầu thực hiện quy trình giao hàng và thanh toán. Trong trường hợp này, bên bán đã có chào hàng, bên mua đã có chấp nhận chào hàng gửi cho bên bán và bên bán đã nhận sự chấp thuận mua hàng từ bên mua, nên theo quy định, kể

từ thời điểm nhận được chấp nhận mua hàng của bên mua, hợp đồng đã được giao kết (hợp đồng hình thành) từ thời điểm đó.

### **Hợp đồng giao kết qua thông điệp dữ liệu (Email, Fax ...):**

Pháp luật thừa nhận hình thức giao kết hợp đồng bằng THÔNG ĐIỆP DỮ LIỆU, nhưng để đảm bảo tính pháp lý thì việc giao kết phải thỏa mãn các điều kiện sau:

(i) Loại thông điệp dữ liệu: Dữ liệu điện tử, chứng cứ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, FAX và các hình thức tương tự khác.

(ii) Phương thức thực hiện: thông qua trao đổi thông điệp dữ liệu, VD trao đổi Email giữa các bên liên quan đến nội dung hợp đồng ..., từ đề nghị giao dịch đến chấp thuận giao dịch đều bằng Email.

(iii) Thông tin chứa trong thông điệp dữ liệu đó có thể truy cập và sử dụng được để tham chiếu khi cần thiết, VD thông tin của Email giao dịch phải truy cập vào được (mở, xem email), được đảm bảo bằng sự khởi tạo, lưu trữ hoặc truyền gửi thông điệp dữ liệu một cách tin cậy, duy trì tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu và chứng minh được điều đó khi cần thiết (nhất là khi có tranh chấp).

(iv) Thời điểm giao kết hợp đồng được xác định theo quan hệ đề nghị giao kết hợp đồng và chấp nhận giao kết hợp đồng (xem thêm mục [1]), trừ khi các bên có thỏa thuận khác.

## **1.2. Pháp luật về giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự**

### **1.2.1. Các quy định về nguyên tắc giao kết**

Nguyên tắc giao kết hợp đồng là những tư tưởng chủ đạo được quán triệt trong những văn bản quy phạm pháp luật về hợp đồng, có tính chất bắt buộc đối với các chủ thể trong khi tiến hành ký kết hợp đồng. Hiện tại BLDS 2015 không có quy định riêng về nguyên tắc giao kết hợp đồng. Các nguyên tắc giao kết hợp đồng đều dựa trên những gì được quy định tại Điều 3 của Bộ luật này. Các nguyên tắc đó bao gồm:

Thứ nhất, các bên tự do giao kết hợp đồng. Tự do giao kết hợp đồng có nghĩa là các chủ thể được quyền tự quyết định có hay không tham gia vào một quan hệ hợp đồng. Các bên chủ thể sẽ được dẫn dắt, lựa chọn đối tác sẽ xác lập hợp đồng với mình, tự do được biểu hiện việc lựa chọn nội dung hợp đồng. Đối với hợp đồng DVTVP, nguyên tắc này được thể hiện rõ nét. Khi một cá nhân, tổ chức mong muốn được sử

dụng DVTVPL, họ có thể tìm kiếm thông tin về những tổ chức cung cấp dịch vụ này thông qua các phương tiện truyền thông, mạng xã hội, lời giới thiệu, ... Sau khi tìm kiếm thông tin, khách hàng có thể lựa chọn công ty luật, văn phòng luật sư phù hợp với vấn đề mà họ cần giải quyết. Trong các hợp đồng dân sự thông thường, sự tự do còn được thể hiện ở việc các bên được lựa chọn hình thức hợp đồng, tuy nhiên với hợp đồng DVTVPL, pháp luật chỉ công nhận duy nhất một hình thức hợp đồng là hợp đồng được lập thành văn bản và các bên phải tuân theo quy định này. Trong nội dung hợp đồng, các bên cũng được tự do thương lượng về quyền và nghĩa vụ của hai bên, về phương thức tính, mức thù lao và các chi phí khác (nếu có) cho bên cung ứng dịch vụ. Khi thanh toán, người sử dụng dịch vụ chỉ cần trả theo đúng mức thù lao mà các bên đã thỏa thuận, luật sư không được sách nhiễu, lừa dối khách hàng hoặc nhận, đòi hỏi thêm bất kỳ một khoản tiền, lợi ích nào khác từ khách hàng ngoài các khoản trên.

Thứ hai, các bên tự nguyện giao kết hợp đồng. Tự nguyện là sự tự do lựa chọn hoặc thực hiện mà không bị mua chuộc, thúc đẩy, ép buộc, cưỡng ép, xúi giục, hạn chế, nhắc nhở, đề nghị hoặc bất cứ tác động nào bởi người khác. Để xác định nguyên tắc tự nguyện, hợp đồng phải không thuộc năm trường hợp bị coi là vi phạm ý chí tự nguyện được quy định tại các điều 124, 125, 126, 127, 128 BLDS 2015, cụ thể như sau:<sup>10</sup>

(i) Giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo. Giao dịch dân sự giả tạo ở đây là việc giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác. Như vậy, có thể thấy, sự tự nguyện của các bên trong trường hợp này vẫn tồn tại, tuy nhiên nó lại được biểu hiện tại hợp đồng đang bị che dấu thay vì tại hợp đồng mà các bên ký với nhau.

(ii) Giao dịch dân sự vô hiệu do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện. Pháp luật không công nhận tính tự nguyện trong trường hợp này, bởi những chủ thể được nêu đều là những chủ thể chưa đủ khả năng hoặc không đủ khả năng nhận thức về hành vi của mình. Đối với nguyên tắc tự nguyện, các bên phải hiểu rõ hành vi của mình và chịu trách nhiệm cho hành vi đó, mong muốn được giao kết với bên còn lại.

(iii) Giao dịch dân sự vô hiệu do bị nhầm lẫn.

(iv) Giao dịch dân sự vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép.

---

<sup>10</sup> Quốc Hội (2015), Bộ Luật Dân Sự 2015, NXB Tư Pháp, Hà Nội

(v) Giao dịch dân sự vô hiệu do người xác lập không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình.

Thứ ba, khi giao kết hợp đồng, các bên phải trung thực. Việc trung thực sẽ giúp cho các bên trong việc giải quyết vấn đề. Trong hợp đồng DVTVP, trung thực là một trong những yếu tố quan trọng nhất, bởi mỗi vụ việc có một hướng giải quyết khác nhau. Việc thay đổi một chi tiết nhỏ cũng có thể làm cho phương hướng giải quyết được đề ra bị thay đổi. Khi các bên trung thực, các bên sẽ có thể dễ dàng trao đổi, khách hàng sẽ đặt niềm tin, sẵn sàng giao giấy tờ, tài liệu quan trọng để được luật sư tư vấn, cũng như luật sư sẽ tin tưởng vào khách hàng của mình và hoàn thành công việc sao cho có lợi cho khách hàng nhất.

Cuối cùng là nguyên tắc thiện chí. Thiện chí ở đây tức là các bên mong muốn được hợp tác với bên kia, luôn đảm bảo sự công bằng, khi một bên gặp khó khăn thì bên kia sẵn sàng tạo điều kiện và hỗ trợ để có thể hoàn thành công việc.

Ngoài ra, khi giao kết hợp đồng, bên cung ứng dịch vụ cần phải giữ bí mật về nội dung giao kết, vì trong nội dung đó chứa đựng cả những bí mật cá nhân của khách hàng. Việc tiết lộ thông tin ra ngoài có thể khiến cho người khác lợi dụng, gây ảnh hưởng xấu và khiến cho khách hàng không đạt được những kết quả tốt nhất. Bên cạnh đó, việc rò rỉ bí mật của khách hàng có thể ảnh hưởng tới uy tín, danh sự và đời sống của khách hàng.

### ***1.2.2. Các quy định về hình thức giao kết***

Đối với các hợp đồng dân sự, hình thức hợp đồng có thể bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể. Nhưng đối với hợp đồng DVTVP, các bên bắt buộc phải giao kết bằng văn bản. Tại khoản 2 Điều 26 Luật Luật sư 2006, sửa đổi, bổ sung 2012 quy định như sau:<sup>11</sup>

“Hợp đồng DVPL phải được làm thành văn bản ...”

Trong trường hợp các bên giao kết hợp đồng bằng lời nói thì hợp đồng sẽ bị vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức. Giao dịch vô hiệu này sẽ chỉ có hiệu lực khi một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch. Tuy nhiên, việc này rất khó có thể xác định bởi dịch vụ này là một dịch vụ tương đối đặc thù, rất khó định lượng được. Nó chỉ có thể xác định được khi có những căn cứ cụ thể

---

<sup>11</sup> Quốc Hội (2006), Luật luật sư, NXB Tư Pháp, Hà Nội

hoặc là chứng minh được tổ chức hành nghề luật sư đã hoàn thành nghĩa vụ tư vấn của mình. Nếu hợp đồng bị vô hiệu sẽ gây ảnh hưởng lớn tới quyền lợi của bên sử dụng dịch vụ, bởi có những trường hợp vấn đề cần tư vấn có liên quan đến thời hiệu.

### ***1.2.3. Trình tự giao kết***

Đầu tiên là đề nghị giao kết hợp đồng. Để sự giao kết hợp đồng được diễn ra, trước hết phải có một bên đưa ra lời đề nghị giao kết hợp đồng.

Điều 386 BLDS năm 2015 quy định: “Đề nghị giao kết hợp đồng là việc thể hiện rõ ý định giao kết hợp đồng và chịu sự ràng buộc về đề nghị này của bên đề nghị đối với bên đã được xác định hoặc tới công chúng (sau đây gọi chung là bên được đề nghị)”.

Phương thức đề nghị giao kết hợp đồng: Để xác lập quan hệ hợp đồng, các bên giao kết có thể lựa chọn một phương thức giao dịch nhất định, có thể là đề nghị trực tiếp hoặc gián tiếp. Phương thức trực tiếp là việc các bên trực tiếp gặp gỡ, bàn bạc để đi đến thống nhất các nội dung của hợp đồng được thể hiện bằng lời nói hoặc bằng văn bản; còn phương thức đề nghị giao kết gián tiếp là phương thức mà các bên không trực tiếp gặp nhau để đàm phán về nội dung của hợp đồng mà chỉ trao đổi thông tin trong đó chứa đựng các nội dung cần thỏa thuận thông qua các phương tiện thông tin, liên lạc như thư tín, fax, mạng internet...

Tiếp đến là chấp nhận giao kết hợp đồng. Chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng là sự trả lời của bên được đề nghị đối với bên đề nghị về việc chấp nhận toàn bộ nội dung của đề nghị. Bên cạnh đó, pháp luật còn quy định “Sự im lặng của bên được đề nghị không được coi là chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc theo thói quen đã được xác lập giữa các bên”.<sup>12</sup> Đối với hợp đồng tư vấn pháp luật, chỉ được coi là chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng khi có sự trả lời của bên được đề nghị đối với bên đề nghị, bởi từng vấn đề được tư vấn đều tách biệt và có ảnh hưởng trực tiếp đến người cần được tư vấn, vậy nên không nên áp dụng sự im lặng như lời chấp nhận trong trường hợp này.

Cuối cùng là thực hiện hợp đồng DVTVPL. Thực hiện hợp đồng DVTVPL là việc các bên của hợp đồng thực hiện nghĩa vụ của mình theo nội dung đã thỏa thuận. Khi thực hiện hợp đồng DVTVPL phải tuân thủ các nguyên tắc chung sau đây: Thực

---

<sup>12</sup> Quốc Hội (2015), Bộ Luật Dân Sự 2015, NXB Tư Pháp, Hà Nội

hiện đúng nội dung các bên đã thỏa thuận, đảm bảo tính trung thực, hợp tác và không xâm phạm đến lợi ích nhà nước, tổ chức, cá nhân. Bên cạnh đó, bên cung cấp dịch vụ còn phải tuân theo những quy tắc đặc thù nhất định. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, luật sư cần chủ động, tích cực giải quyết vụ việc của khách hàng và thông báo tiến trình giải quyết vụ việc để khách hàng biết, đồng thời phải có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn tài liệu, hồ sơ mà khách hàng giao cho mình. Khi nhận tài liệu từ khách hàng, luật sư cần lập biên bản nhận tài liệu, vừa làm bằng chứng bảo vệ quyền lợi cho hai bên khi xảy ra tranh chấp, vừa tạo lòng tin, sự an tâm cho khách hàng khi giao những tài liệu quan trọng cho luật sư.

Khi bên cung cấp dịch vụ đã hoàn thành tư vấn dịch vụ, bên sử dụng dịch vụ phải trả thù lao theo những gì hai bên đã giao kết trong hợp đồng. Về phía luật sư, họ cũng cần phải hoàn trả lại các tài liệu mà khách hàng đã cung cấp nếu bên khách hàng có yêu cầu và việc trả lại này trước đây hai bên đã có thỏa thuận.

Tuy nhiên, pháp luật cho phép luật sư từ chối tiếp tục thực hiện vụ việc trong các trường hợp sau đây:

Luật sư có thể từ chối tiếp tục thực hiện vụ việc trong các trường hợp sau đây:

Khách hàng đưa ra yêu cầu mới mà yêu cầu này không thuộc phạm vi hành nghề luật sư hoặc trái đạo đức, trái pháp luật;

Khách hàng không chấp nhận ý kiến tư vấn giải quyết vụ việc đúng pháp luật, phù hợp với đạo đức do luật sư đưa ra, mặc dù luật sư đã cố gắng phân tích thuyết phục;

Khách hàng vi phạm cam kết theo hợp đồng DVPL mà các bên không thể thỏa thuận được hoặc quan hệ giữa luật sư với khách hàng bị tổn hại không phải do lỗi của luật sư;

Có sự đe dọa hoặc áp lực về vật chất hoặc tinh thần từ khách hàng hoặc người khác buộc luật sư phải làm trái pháp luật và đạo đức nghề nghiệp;

Có căn cứ xác định khách hàng đã lừa dối luật sư.

Luật sư phải từ chối tiếp tục thực hiện vụ việc trong các trường hợp sau đây:

Có căn cứ xác định khách hàng sử dụng DVPL của luật sư để thực hiện hành vi vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức;

Phát hiện vụ việc thuộc vào một trong những trường hợp luật sư phải từ chối khi tiếp nhận vụ việc của khách hàng;



Các trường hợp phải từ chối do quy định của pháp luật hoặc trường hợp bất khả kháng.

#### ***1.2.4. Nội dung hợp đồng dịch vụ pháp lý trong lĩnh vực dân sự***

Khoản 2 Điều 26 Luật Luật sư 2006, sửa đổi bổ sung 2012 quy định:<sup>13</sup> Hợp đồng DVPL phải được làm thành văn bản và có những nội dung chính như sau:

Tên, địa chỉ của khách hàng hoặc người đại diện của khách hàng, đại diện của tổ chức hành nghề luật sư hoặc luật sư hành nghề với tư cách cá nhân: Đối với khách hàng là cá nhân, khách hàng có thể tự mình hoặc ủy quyền cho một người khác tham gia giao kết hợp đồng. Đối với khách hàng là các doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật sẽ tham gia giao kết hợp đồng. Về phía tổ chức hành nghề luật sư, Trưởng Văn phòng (đối với mô hình Văn phòng luật sư), Giám đốc (đối với mô hình Công ty luật) sẽ đại diện Văn phòng, công ty ký hợp đồng hoặc phân công nhiệm vụ cho Luật sư, Chuyên viên pháp lý tham gia trực tiếp giải quyết vấn đề.

Nội dung dịch vụ: Nội dung của hợp đồng là công việc mà bên cung ứng dịch vụ cần phải làm. Những công việc đó sẽ do hai bên thỏa thuận vì mỗi một dịch vụ pháp lý khác nhau sẽ có một nội dung khác nhau và thời gian, giai đoạn hoàn thành công việc khác nhau. Luật sư chỉ thực hiện những công việc, giai đoạn hai bên đã thỏa thuận.

Thời hạn thực hiện hợp đồng: Tùy vào tính chất công việc cần phải thực hiện mà mỗi một hợp đồng có một thời hạn thực hiện khác nhau. Trong thực tế, đa số các hợp đồng đều được ấn định thời hạn là khi đã hoàn thành công việc.

Quyền, nghĩa vụ của các bên: Sẽ do các bên thỏa thuận, tuy nhiên thông thường hợp đồng sẽ quy định như sau:

Một là, bên sử dụng dịch vụ có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết để bên cung ứng dịch vụ hoàn thành công việc.

Hai là, bên sử dụng dịch vụ có trách nhiệm thanh toán khi công việc được hoàn thành.

Ba là, bên cung ứng dịch vụ có trách nhiệm nhận, bảo quản, bảo mật hồ sơ, tài liệu mà khách hàng giao cho.

Bốn là, bên cung ứng dịch vụ có trách nhiệm giao lại tài liệu cho khách hàng nếu khách hàng có yêu cầu giao lại các giấy tờ gốc.

---

<sup>13</sup> Quốc Hội (2006), Luật luật sư, NXB Tư Pháp, Hà Nội

Phương thức tính và mức thù lao cụ thể, các khoản chi phí (nếu có): Trong hợp đồng, các bên sẽ quy định cụ thể số tiền phí dịch vụ hoặc đưa ra một phương thức tính cụ thể. Ngoài ra, hợp đồng còn phải được liệt kê những khoản chi phí dự liệu phát sinh trong thời gian thực hiện hợp đồng, để đảm bảo phía cung ứng dịch vụ không đòi thêm các khoản tiền khác không liên quan đến công việc, bảo vệ quyền lợi cho khách hàng tránh khỏi các trường hợp phải nộp thêm tiền mới được tiếp tục công việc.

Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng: Do các bên tự thỏa thuận, sao cho khi xảy ra vi phạm, các bên có căn cứ để giải quyết và đền bù thiệt hại cho bên còn lại.

Phương thức giải quyết tranh chấp: Đề ra các phương thức giải quyết tranh chấp khác nhau, đa số là sử dụng phương thức thương lượng và hòa giải giữa các bên, hạn chế sử dụng phương thức giải quyết tranh chấp tại tòa án, gây mất thời gian và tiền bạc cho các bên.

Hợp đồng DVTVPL là một loại của hợp đồng dịch vụ pháp lý, vì vậy hợp đồng cũng cần phải có những nội dung chính như trên. Trong những nội dung mà pháp luật quy định, điều khoản về thời hạn thực hiện hợp đồng và điều khoản về mức thù lao vô cùng quan trọng, bởi nó sẽ giúp cho người sử dụng dịch vụ được sử dụng dịch vụ đảm bảo chất lượng và thực hiện trong đúng thời gian quy định. Đồng thời, người sử dụng dịch vụ cũng không phải trả tiền cho những hoạt động không liên quan đến vấn đề mà họ cần giải quyết.

## **Tiểu kết Chương 1**

Hiện nay, pháp luật chưa quy định thế nào là hợp đồng DVTVPL, khái niệm chỉ được thể hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau ở các công trình nghiên cứu khoa học, hoặc là một phần nhỏ nằm định nghĩa các khái niệm khác. Vì không quy định cụ thể nên việc tiếp cận và nghiên cứu đều xuất phát từ những gì pháp luật quy định chung nhất và được lập luận với những trường hợp cụ thể để đáp ứng mục tiêu đã đặt ra. Xuất phát từ thực tiễn này, khóa luận đã khái quát và làm rõ những khái niệm về hoạt động tư vấn pháp luật, hợp đồng DVTVPL và đặc điểm của hợp đồng DVTVPL.

Ngoài ra, trong chương 1 còn nêu ra các nguyên tắc khi giao kết hợp đồng, trình tự giao kết hợp đồng, hình thức giao kết hợp đồng mà pháp luật quy định và những nội dung chính mà hợp đồng cần phải có.

## **CHƯƠNG 2. THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ TẠI VĂN PHÒNG LUẬT SƯ TRỊNH HƯƠNG**

### **2.1. Giới thiệu khái quát về Văn phòng luật sư Trịnh Hương**

Tên Văn phòng viết bằng tiếng Việt: Văn phòng luật sư Trịnh Hương.<sup>14</sup>

Văn phòng luật sư Trịnh Hương được thành lập và hoạt động dưới hình thức Doanh nghiệp tư nhân. Trụ sở Văn phòng nằm tại xóm 2, thôn Hòa Phú, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội. Văn phòng giao dịch của Văn phòng luật sư Trịnh Hương nằm tại xóm 2, thôn Hòa Phú, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội Ngoài ra còn có các thông tin khác như:

Số điện thoại của Văn phòng: 0987590660

Email: luatsutrinhhuong@gmail.com

Mã số thuế: 0108317825

Văn phòng luật sư Trịnh Hương được Sở Tư pháp TP Hà Nội ký Quyết định thành lập vào ngày 06/8/2018 và hoạt động từ đó cho đến nay. Người đại diện pháp luật của Văn phòng là Trưởng Văn phòng - Luật sư Nguyễn Văn Trịnh. Ngành nghề kinh doanh của Văn phòng là cung cấp DVPL, hiểu một cách đơn giản là hoạt động cung cấp những dịch vụ pháp luật nhằm cung cấp các giải pháp để giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan và nảy sinh từ các hoạt động thực tiễn của mỗi cá nhân, cơ quan, doanh nghiệp ... Các DVPL bao gồm: tham gia tố tụng, tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng cho khách hàng và các DVPL khác. Hiện tại Văn phòng gồm có 6 luật sư, 1 chuyên viên và 2 nhân viên văn phòng.

Kể từ khi thành lập, Văn phòng luật sư Trịnh Hương đã làm được những điều sau:

Một là, giúp khách hàng có thể dự đoán và phòng tránh được những rủi ro có thể gặp phải, giải quyết hiệu quả các loại tranh chấp và đạt được những kết quả nhất định.

Hai là, khuyến khích các luật sư phát huy tối đa sự sáng tạo và linh hoạt của mình trong những lĩnh vực pháp lý chuyên ngành.

---

<sup>14</sup> Các bài viết trên website Luatrinhhuong.com

Ba là, nâng cao năng lực và đạo đức bằng việc khuyến khích các luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý miễn phí cho các nhóm yếu thế và các tổ chức đại diện cho họ.

Bốn là, tích cực tham gia các hoạt động vận động chính sách nhằm nâng cao chất lượng chính sách và pháp luật tại Việt Nam.

Năm là, hoạt động trong nhiều lĩnh vực pháp lý khác nhau, bao gồm các hoạt động của doanh nghiệp, thuế, lao động, xây dựng, đất đai, giáo dục và tranh tụng, luật sư của Văn phòng thực hiện hoạt động tư vấn để giúp khách hàng đạt được các mục tiêu của mình; dự đoán và phòng tránh rủi ro; ký kết, giao dịch hợp đồng và giải quyết các loại tranh chấp. Bằng việc tiếp thu ý kiến, nguyện vọng của khách hàng và thấu hiểu mục tiêu của đối tác, văn phòng luôn sắp xếp những luật sư phù hợp để đảm nhận từng dự án với chi phí hợp lý và đạt hiệu quả cao. Nhân sự của Văn phòng luôn là những người có thái độ quan tâm và có tinh thần phục vụ tận tình.

### ***2.1.1. Lĩnh vực hoạt động của Văn phòng luật sư Trịnh Hương***

Trong phạm vi hoạt động hành nghề, Văn phòng luật sư Trịnh Hương thực hiện DVPL trên các lĩnh vực sau:<sup>15</sup>

Một là, tư vấn pháp luật mọi lĩnh vực;

Hai là, tranh tụng, bảo vệ quyền và lợi ích cho Người bị buộc tội, Bị hại, đương sự khác trong các vụ án Hình sự, Dân sự, Hôn nhân và gia đình, Hành chính, Lao động, Kinh doanh thương mại...;

Ba là, đại diện ủy quyền trong tố tụng (các vụ án Hình sự, Dân sự, Hành chính, Lao động, Kinh doanh thương mại...;

Bốn là, đại diện ủy quyền ngoài tố tụng, thay mặt Khách hàng làm việc với các cá nhân, tổ chức, cơ quan Nhà nước để thực hiện công việc được ủy quyền;

Năm là, thực hiện các DVPL khác (các dịch vụ công chứng; Thừa phát lại; Lập và làm chứng di chúc, các thủ tục về nhà đất; Đăng ký thành lập doanh nghiệp; Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh; Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ; chỉnh sửa, đàm phán hợp đồng...)

Sáu là, trợ giúp pháp lý (các đối tượng là người chưa thành niên; Người nghèo; Người có công với cách mạng; Người khuyết tật; Các đối tượng có điều kiện KT khó khăn theo Luật trợ giúp pháp lý...). Là cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý

---

<sup>15</sup> Các bài viết trên website [Luattrinhhuong.com](http://Luattrinhhuong.com)

nhà nước Thành phố Hà Nội, nhiều năm qua, Văn phòng luật sư Trịnh Hương, đặc biệt là luật sư Nguyễn Văn Hà (Đoàn Luật sư Hà Nội), Trưởng Văn phòng luật sư Trịnh Hương đều dành mỗi tuần ít nhất từ 1 đến 3 ngày để làm công tác trợ giúp pháp lý (báo cáo viên, hoặc bào chữa, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tại các phiên tòa cho các đối tượng thuộc diện được trợ giúp pháp lý). Hằng tuần, Văn phòng luật sư Trịnh Hương dành buổi sáng ngày thứ bảy để tư vấn, trợ giúp pháp lý miễn phí cho mọi đối tượng. Ngoài ra, luật sư Hà còn tham gia hàng chục cuộc trợ giúp pháp lý lưu động tại các xã, phường, thị trấn mỗi năm. Điều đáng quý là ông Hà luôn xác định, báo cáo viên trợ giúp pháp lý không đơn thuần là đến "nói xong rồi về", mà phải luôn tận tình lắng nghe, giải đáp, hướng dẫn cho người dân những vướng mắc cụ thể họ đang gặp phải. Luật sư Hà quan niệm, vụ án nào cũng là một số phận mà mình phải có trách nhiệm bảo vệ quyền lợi hợp pháp tốt nhất cho thân chủ. Do đó, trong hàng trăm vụ án mà anh từng tham gia trợ giúp pháp lý, có nhiều vụ để lại ấn tượng sâu sắc bởi anh và đồng nghiệp đã tốn rất nhiều công sức, thời gian tìm ra sự thật. Điển hình như vụ cố ý gây thương tích tại xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Hà Nội với sự thật là "bị hại đồng thời là bị cáo".

Trong quá trình công tác, luật sư Hà đề xuất với các đơn vị mà anh đến làm báo cáo viên rằng, để làm tốt việc trợ giúp pháp lý, nên ấn định số đợt tiến hành tại mỗi xã, phường phải tổ chức trong 1 năm. Đặc biệt, các đợt đó phải mời cả người dân dự, chứ không chỉ chọn lọc đối tượng là lãnh đạo các ngành, đoàn thể ở cơ sở. Qua đó, nhiều đơn vị đã thực hiện và từng bước nâng cao nhận thức của người dân về pháp luật. Với sự nhiệt tình, trách nhiệm, luật sư Hà cũng thường xuyên tham gia các hoạt động nghiên cứu, góp ý, xây dựng pháp luật để các văn bản luật sát hơn với cuộc sống.

Đối với Văn phòng luật sư Trịnh Hương, khi thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý, Văn phòng luôn tuân thủ các quy định của pháp luật:

Thực hiện trợ giúp pháp lý;

Được bảo đảm thực hiện trợ giúp pháp lý độc lập, không bị đe dọa, cản trở, sách nhiễu hoặc can thiệp trái pháp luật;

Từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý trong các trường hợp: Có vi phạm pháp luật; bị thu hồi thẻ; đã bảo vệ cho người có quyền lợi đối lập trong vụ

việc; không khách quan khi giải quyết vụ việc; giải quyết vụ việc trợ giúp pháp lý không hiệu quả; bị người được trợ giúp pháp lý từ chối;

Được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ trợ giúp pháp lý;

Bảo đảm chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý;

Tuân thủ nguyên tắc hoạt động trợ giúp pháp lý;

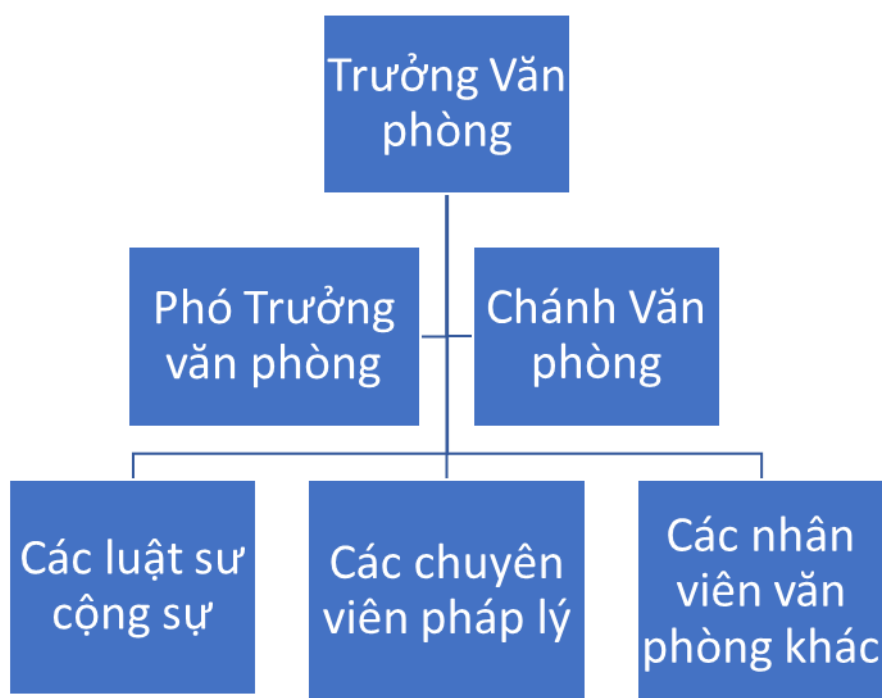
Nghiêm chỉnh chấp hành nội quy nơi thực hiện trợ giúp pháp lý;

Bồi thường hoặc hoàn trả một khoản tiền cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý đã trả cho người bị thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.

Bây là, các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm.

### **2.1.2. Cơ cấu tổ chức của Văn phòng luật sư Trịnh Hương**

Cơ cấu tổ chức của Văn phòng luật sư Trịnh Hương:



*(Nguồn: Theo Điều lệ của Văn phòng luật sư Trịnh Hương)*

Có thể thấy, cơ cấu tổ chức của Văn phòng luật sư Trịnh Hương được sắp xếp theo kiểu trực tuyến chức năng và khá đơn giản. Người đứng đầu và có toàn quyền quyết định là Trưởng Văn phòng. Chức năng và cách thức hoạt động của các bộ phận cụ thể như sau:

**Trưởng Văn phòng:** Là người thành lập văn phòng, phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi nghĩa vụ của văn phòng. Trưởng Văn phòng là đại diện

theo pháp luật của Văn phòng, có toàn quyền tham gia đàm phán ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý, hợp đồng lao động, đặc biệt chịu trách nhiệm về toàn bộ kết quả hoạt động của Văn phòng. Văn phòng luật sư Trịnh Hương còn tiếp nhận, đào tạo sinh viên thực tập, người tập sự luật sư, ... và Trưởng Văn phòng cũng là người xét duyệt hồ sơ, ra quyết định thực tập, học việc và phân công người hướng dẫn.

Phó Trưởng Văn phòng: Là Luật sư thường xuyên có mặt tại Văn phòng (đặc biệt là khi Trưởng Văn phòng vắng mặt) để phụ trách về các công việc về chuyên môn văn phòng của Văn phòng luật sư Trịnh Hương như: Tiếp xúc khách hàng để nhận vụ việc; Tư vấn pháp luật tại Văn phòng; Hướng dẫn các luật sư, chuyên viên pháp lý soạn thảo các loại đơn thư, văn bản nhằm triển khai các vụ việc của Văn phòng theo kế hoạch của Trưởng Văn phòng. Bên cạnh đó, phó Trưởng Văn phòng phối hợp với Trưởng Văn phòng trong việc quản lý, điều hành hoạt động hàng ngày của Văn phòng. Phó Trưởng Văn phòng cũng tham gia, giải quyết trực tiếp các vụ, việc của Văn phòng với tư cách là luật sư hoặc người đại diện theo ủy quyền của đương sự theo sự phân công của Trưởng Văn phòng.

Chánh văn phòng: Phụ trách các công việc về văn thư, lưu trữ, quản lý tài liệu, hồ sơ, văn bản của Văn phòng; Phân công công việc và giới thiệu công tác cho các luật sư, chuyên viên, nhân viên của Văn phòng theo kế hoạch đã được phê duyệt của Trưởng Văn phòng.

Các luật sư cộng sự: Là những luật sư đã ký kết hợp đồng làm việc, cộng tác với Văn phòng luật sư Trịnh Hương, tham gia, giải quyết trực tiếp các vụ, việc theo sự phân công của Trưởng Văn phòng.

Chuyên viên pháp lý: Thực hiện công việc theo yêu cầu và sự phân công của Trưởng Văn phòng. Mảng việc chính là xử lý các công việc liên quan đến lĩnh vực pháp luật. Phụ giúp việc cho các luật sư.

Các nhân viên Văn phòng khác: Do mô hình hoạt động của Văn phòng luật sư Trịnh Hương nhỏ, vậy nên chỉ có một số nhân viên Văn phòng, bao gồm: lái xe và thư ký.



## **2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự tại Văn phòng luật sư Trịnh Hương<sup>16</sup>**

Cùng với sự phát triển của xã hội, các xích mích trong đời sống xã hội diễn ra ngày một nhiều, đặc biệt là trong lĩnh vực dân sự. Để đảm bảo cho nhu cầu giải quyết các tranh chấp, tránh kìm hãm sự phát triển của xã hội, các văn phòng, công ty Luật đã không ngừng nghiên cứu về lý luận, thực tiễn, tìm hiểu những vấn đề giữa các bên đang hiểu lầm nhau, cùng những kinh nghiệm trên thực tế để tư vấn, hỗ trợ các bên giải quyết tranh chấp. Văn phòng Luật sư Trịnh Hương cũng như các Văn phòng, Công ty Luật khác, thực hiện việc hỗ trợ các bên hòa giải, giải quyết tranh chấp thông qua giao kết hợp đồng DVTVPL. Dưới đây là bảng số liệu về tình hình giao kết hợp đồng DVTVPL tại Văn phòng luật sư Trịnh Hương cùng Biểu đồ thể hiện tình hình hoạt động của VPLS Trịnh Hương trong 3 năm gần đây:

**Bảng 2.2 Bảng số liệu tình hình giao kết hợp đồng DVTVPL tại Văn phòng luật sư Trịnh Hương trong 3 năm (2021, 2022, 2023)**

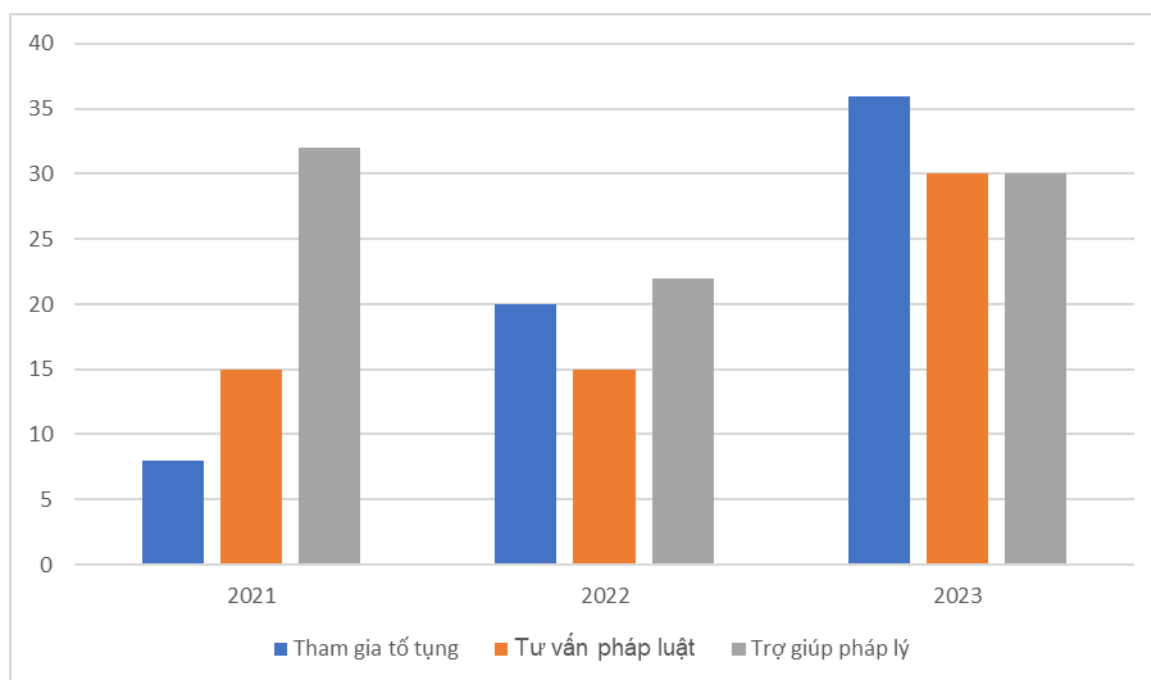
<b>Năm</b>	<b>Số hợp đồng DVTVPL được giao kết</b>
2021	15
2022	15
2023	30

*(Nguồn: Số liệu của Văn phòng luật sư Trịnh Hương)*

---

<sup>16</sup> Văn phòng luật sư Trịnh Hương, (2021-2023), Báo cáo tình hình hoạt động của Văn phòng luật sư Trịnh Hương từ năm 2021 – 2023

**Biểu đồ thể hiện tình hình hoạt động của VPLS Trịnh Hương  
từ 2021 - 2023**



*(Nguồn: Số liệu của Văn phòng luật sư Trịnh Hương)*

Bảng số liệu cho thấy được Văn phòng luật sư Trịnh Hương thường tập trung vào hoạt động trợ giúp pháp lý. Bên cạnh đó, thời gian 2021 – 2022 là thời gian mà dịch Covid – 19 vẫn đang bùng nổ và năm 2023 thì dịch bệnh đã được kiểm soát và suy giảm từ bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A sang bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B; có hiệu lực thi hành từ 20/10/2023.

Giới thiệu qua về đại dịch Covid – 19. COVID-19 (bệnh vi-rút corona 2019) là một bệnh do vi-rút có tên SARS-CoV-2 gây ra và được phát hiện vào tháng 12 năm 2019 ở Vũ Hán, Trung Quốc. Căn bệnh này rất dễ lây lan và đã nhanh chóng lan ra khắp thế giới.<sup>17</sup> COVID-19 thường gây ra các triệu chứng hô hấp, có thể cảm thấy giống như cảm lạnh, cúm hoặc viêm phổi. COVID-19 có thể tấn công không chỉ phổi và hệ hô hấp của người bị nhiễm. Đồng thời, vi-rút này cũng gây ra những ảnh hưởng không nhỏ đối với các bộ phận khác của cơ thể (VD: suy tim, mất vị giác, ...).

Chính vì sự nguy hiểm của dịch bệnh này, nền kinh tế của nhiều quốc gia đã phải tạm dừng, các hoạt động giao thương đều phải ngưng lại do các lệnh giãn cách, cấm xuất nhập khẩu. Lệnh giãn cách cũng khiến cho các việc kinh doanh hàng hóa, dịch vụ

<sup>17</sup> Trung tâm Quốc gia về chủng ngừa và Bệnh hô hấp (NCIRD), Phân Ban Bệnh Do Vi-rút, “Thông tin cơ bản về COVID - 19” ngày 04 tháng 11 năm 2021.

đều phải ngừng hoạt động. Không có sự trao đổi, buôn bán, những hợp đồng giao kết mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ cũng không còn xuất hiện nhiều, khiến cho số lượng các doanh nghiệp tìm đến luật sư để được tư vấn pháp luật, hướng dẫn cách lập hợp đồng không còn nhiều nữa. Điều này đã được thể hiện rõ ở trên biểu đồ, khi số lượng hợp đồng tư vấn pháp luật của năm 2023 là 30 hợp đồng, nhưng số lượng hợp đồng tư vấn pháp luật của năm 2021, 2022 đều chỉ đạt con số 15.

Ngoài ra, đại dịch Covid – 19 còn gây ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động tố tụng. Do các địa phương thực hiện giãn cách xã hội, không tập trung đông người, nên việc xét xử, giải quyết các vụ án gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, do dịch Covid-19 bùng phát mạnh tại nhiều địa phương, nên công tác xác minh, thu thập chứng cứ, tài liệu, triệu tập đương sự gặp rất nhiều khó khăn. Dịch bệnh lan nhanh khiến cho các phiên tòa cũng thường xuyên bị hoãn do những chủ thể tham gia phiên tòa hoặc chủ thể tiến hành phiên tòa có kết quả dương tính với virus SAR-CoV-2. Vì vậy, hoạt động tham gia tố tụng của Văn phòng luật sư Trịnh Hương đã có sự giảm mạnh trong các năm 2021, 2022.

Hoạt động nổi bật nhất của Văn phòng luật sư Trịnh Hương có thể kể đến là hoạt động trợ giúp pháp lý. Dịch bệnh bùng phát khiến cho nhiều gia đình rơi vào hoàn cảnh khó khăn. Không ít người vì thiếu tiền để duy trì cuộc sống mà đã thực hiện các hành vi trộm cắp, cướp tài sản. Khi bị bắt, hoàn cảnh của các gia đình đó đã khó lại càng khó khăn hơn. Văn phòng luật sư Trịnh Hương tiếp nhận trợ giúp pháp lý cho các đối tượng này, vừa giúp họ giảm nhẹ án phạt nhất có thể, vừa giải thích pháp luật để họ có thêm kiến thức pháp luật, nhận ra hành vi của mình là sai và ăn năn hối cải. Bên cạnh những trường hợp này, Văn phòng còn thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý cho các gia đình nghèo, không có điều kiện để bảo vệ bản thân khi có tranh chấp xảy ra.

Về những hợp đồng DVTVPL mà Văn phòng luật sư Trịnh Hương đã giao kết:

Thông qua việc tham khảo các hợp đồng DVTVPL trong lĩnh vực dân sự văn phòng đã ký kết, em thấy rằng việc thực hiện pháp luật về giao kết hợp đồng DVTVPL trong lĩnh vực dân sự đã làm đúng theo quy định của pháp luật hiện hành. Cụ thể như sau:<sup>18</sup>

---

<sup>18</sup> Văn phòng luật sư Trịnh Hương và cộng sự, Hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật của các khách hàng.

Về nguyên tắc giao kết: Văn phòng luật sư Trịnh Hương đã thực hiện đúng theo những nguyên tắc giao kết hợp đồng mà BLDS 2015 quy định.

(i) Về nguyên tắc tự do giao kết hợp đồng: Tại Văn phòng luật sư Trịnh Hương, các khách hàng tìm đến và sử dụng DVTVPPL đều tìm hiểu về Văn phòng thông qua các thông tin được đăng tải trên website của Văn phòng, hay được người thân giới thiệu, ... Khách hàng đến với Văn phòng sẽ được gặp luật sư, trao đổi qua về vấn đề mà họ cần tư vấn hoặc giải quyết, sau đó mới quyết định có ký hợp đồng và sử dụng dịch vụ của Văn phòng hay không. Việc này thể hiện việc lựa chọn Văn phòng và sử dụng dịch vụ của Văn phòng hoàn toàn do khách hàng xem xét và quyết định, không bị tác động bởi ai khác. Khi giao kết hợp đồng, luật sư giải thích cặn kẽ các điều khoản trong hợp đồng và chỉ ký khi khách hàng đồng ý sử dụng dịch vụ của Văn phòng, tự nguyện ký tên vào hợp đồng sau khi đã được đọc và xem xét kỹ.

(ii) Về nguyên tắc tự nguyện: Khách hàng ký hợp đồng đều là những chủ thể trên 18 tuổi, đủ năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tỉnh táo khi giao kết hợp đồng.

(iii) Về nguyên tắc trung thực: Dưới bầu không khí thoải mái, khách hàng luôn tin tưởng Văn phòng và tường thuật lại sự việc, vấn đề cần giải quyết một cách trung thực. Về phía luật sư của Văn phòng, luật sư cũng cởi mở chia sẻ những kiến thức mà mình có, những phương hướng giải quyết vấn đề cho khách hàng. Khi khách hàng giao tài liệu, Văn phòng luật sư Trịnh Hương có giấy biên bản bàn giao, được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ một bản để ghi nhận việc Văn phòng đã nhận tài liệu, và sẽ hoàn trả lại cho khách hàng sau khi hoàn thành công việc nếu khách hàng có yêu cầu.

(iv) Về nguyên tắc thiện chí: Văn phòng luật sư Trịnh Hương luôn tạo điều kiện thuận lợi và tốt nhất cho khách hàng, để khách hàng cảm thấy thoải mái khi sử dụng dịch vụ của Văn phòng. Ngoài ra, khi giải quyết vấn đề, tư vấn cho khách hàng, Luật sư luôn cố gắng chọn hướng giải quyết tối ưu nhất, sao cho khách hàng nhận được quyền lợi của mình một cách tối đa.

Về hình thức của hợp đồng: Văn phòng luật sư Trịnh Hương luôn tuân thủ những quy định mà pháp luật quy định. Hợp đồng DVTVPPL của Văn phòng luôn được lập thành văn bản, có đầy đủ các nội dung cần thiết và được lưu trữ văn thư. Khách hàng cũng được nhận một bản để làm chứng cho việc hai bên giao kết hợp đồng, đảm bảo quyền lợi cho họ nếu có xảy ra tranh chấp.

Về trình tự giao kết hợp đồng: Văn phòng luật sư Trịnh Hương luôn thực hiện trình tự giao kết hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật. Luật sư tư vấn luôn có sự xem xét, đánh giá để từ chối nhận và thực hiện hợp đồng nếu trường hợp đó thuộc vào một trong các trường hợp được pháp luật quy định không được thực hiện hợp đồng. Ngoài ra, Văn phòng luật sư Trịnh Hương luôn đảm bảo giữ bí mật thông tin khách hàng và chỉ tiết lộ cho những người tham gia trực tiếp vào công việc tư vấn pháp luật cho khách hàng.

### **2.3. Đánh giá tình hình giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự tại Văn phòng luật sư Trịnh Hương**

#### ***2.3.1. Những kết quả đạt được***

Các chuyên gia tư vấn và các luật sư cộng sự có trình độ chuyên môn cao, cụ thể là 100% chuyên gia tư vấn có bằng cử nhân đại học chính quy từ các trường lớn như Đại học Luật Hà Nội, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội... và họ có thể đọc hiểu, giao tiếp thành thạo bằng tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác. Bên cạnh đó còn có một số chuyên gia đã và đang theo học Thạc sĩ Luật tại Luật Đại Học Luật Hà Nội và Khoa Luật Đại Học Quốc Gia Hà Nội... Ngoài ra, các luật sư cộng sự của Văn phòng cũng là những thành viên đang hoạt động trong Đoàn luật sư Hà Nội, họ cũng đã có thời gian theo học tại Học Viện Tư Pháp và tích lũy cho mình rất nhiều kinh nghiệm trong suốt quá trình làm việc. Thêm vào đó, mỗi chuyên gia tư vấn hay luật sư cộng sự ở Văn phòng đều có ít nhất 3 năm kinh nghiệm trong nghề, điều này tạo nên cơ sở trình độ chuyên môn cao, đảm bảo chất lượng công việc.

Sau 5 năm hoạt động, Văn phòng luật sư Trịnh Hương đang dần trở thành một trong những Văn phòng Luật hàng đầu quốc gia, bởi văn phòng có các chuyên gia pháp lý, chuyên gia tư vấn đã dành nhiều năm nghiên cứu và làm việc trong lĩnh vực luật pháp, vì vậy họ là những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, có sự chủ động, sáng tạo trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ tư vấn, đại diện pháp lý,... Văn phòng luật sư Trịnh Hương đã nhận được rất nhiều sự ủng hộ, khen ngợi và niềm tin từ khách hàng, Văn phòng luật sư Trịnh Hương đã đảm nhận và tư vấn thành công nhiều hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp lý. Văn phòng này đã đưa những giải pháp hiệu quả và đạt được sự hài lòng cũng như sự tín nhiệm của đối tác. Bằng sự chủ động, linh hoạt và sáng tạo trong mọi điều kiện, mọi hoàn cảnh, dựa trên quy định của pháp luật hiện hành

để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng, Văn phòng luật sư Trịnh Hương luôn là một lựa chọn thích ứng và phù hợp với mọi đối tượng khách hàng.

Việc nắm bắt và cập nhật sự thay đổi của pháp luật kịp thời luôn luôn được thực hiện trong suốt quá trình làm việc của đội ngũ luật sư trong Văn phòng. Với đội ngũ nhân lực nhiệt tình, giàu kinh nghiệm và có trình độ cao, Văn phòng luôn đáp ứng tốt các tiêu chí mà khách hàng đặt ra.

Ngoài ra, hoạt động giao kết và thực hiện các loại hợp đồng DVPL tại Văn phòng đang ngày càng phát triển. Đặc biệt là các hợp đồng cung ứng dịch vụ về tư vấn thành lập doanh nghiệp, sở hữu trí tuệ và tư vấn quản lý doanh nghiệp thường xuyên.

Một trong những vụ việc thành công nhất của Văn phòng có thể kể đến vụ án dân sự “Tranh chấp thừa kế” liên quan đến khối di sản là nhà đất tại địa chỉ số 5 ngõ Ngõ Tân Lập nay là số nhà 25, ngõ 530 đường Trường Chinh, phường Ngã Tư sở, Đống Đa (HN) có diện tích 53,76m<sup>2</sup>.<sup>19</sup>Trong vụ án này, cô gái tật nguyền Phạm Ánh N là nguyên đơn có bà Đào Thị P (mẹ đẻ) là đại diện theo ủy quyền còn bị đơn là cô ruột của N - bà Phạm Thị T. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp miễn phí cho cô gái tật nguyền này ở cả hai cấp xét xử là một luật sư của Đoàn luật sư TP Hà Nội. Ông tham gia vụ án theo sự phân công của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước TP Hà Nội.

Nội dung vụ kiện “Tranh chấp thừa kế” cụ thể như sau: Nhà đất tại địa chỉ số 5 Ngõ Tân Lập nay là số nhà 25, ngõ 530 đường Trường Chinh, phường Ngã Tư sở, Đống Đa (HN) có diện tích 53,76m<sup>2</sup> thuộc quyền sở hữu của vợ chồng cụ Phạm Công M và Nguyễn Thị G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà do UBND quận Đống Đa cấp năm 2004. Trong quá trình chung sống, năm 1951 các cụ có làm thủ tục nhận ông Phạm Công C làm con nuôi. Năm 1957 các cụ mới sinh bà Phạm Thị T. Ngoài hai người con nói trên, các cụ không có người con nào khác. Tháng 3/1970 ông C nhập ngũ, là chiến sỹ thuộc đại đội 1, Tiểu đoàn 7, sư đoàn 324, quân khu Bình Trị Thiên. Ngày 23/2/1971 trong trận chiến đấu bảo vệ thành cổ Quảng Trị, ông C bị thương và được ra Bắc điều trị, an dưỡng. Khi sức khỏe bình phục, ông C vào làm công nhân Xí nghiệp bàn chải nhựa Hàm Rồng. Năm 1980 do vết thương sọ não tái phát, mất khả năng lao động nên được xí nghiệp cho nghỉ chế độ. Ông C có vợ là bà Đào Minh P và hai con chung Phạm Thu N (SN 1978) và Phạm Ánh N (SN 1980). Riêng Phạm Ánh

---

<sup>19</sup> Các bài viết trên website Luatrinhhuong.com

N bị ảnh hưởng chất độc da cam - Dioxin nên từ khi sinh ra cuộc đời luôn gắn liền với chiếc xe lăn và không có khả năng lao động.

Do ảnh hưởng bởi vết thương, trong những cơn đau do bị hành hạ về thể xác, ông C đã đánh đập con vô cớ, dẫn đến hạnh phúc gia đình tan vỡ. Vợ chồng phải ly hôn. Ông C nhận nuôi hai con chung. Vì quyền lợi của hai con nên bà P đành gạt nước mắt đồng ý. Tuy nhiên trên thực tế thì cả hai con của bà P đều ở với ông bà nội và do ông bà nội chăm sóc. Được một thời gian, vì cuộc sống khó khăn nên năm 1990 hai cụ phải làm đơn đề nghị UBND phường xác nhận hoàn cảnh để gửi cháu Phạm Thu N vào trại nuôi dưỡng trẻ của Nhà nước. Đến năm 1992, bà P có đơn xin nhận Phạm Ánh N về nuôi và gửi vào làng Hòa Bình (Thanh Xuân, Hà Nội) để trại nuôi dưỡng, dạy nghề và phục hồi chức năng.

Do mắc bệnh tâm thần nên năm 1994 ông C bỏ nhà ra đi không rõ tung tích.

Mười năm sau, vào ngày 10/08/2004 vợ chồng cụ M đã lập di chúc, định đoạt toàn bộ khối tài sản là nhà đất nêu trên cho một mình bà Phạm Thị T. Sau khi có di chúc, năm 2005 bà T đã phá bỏ nhà cấp 4 của các cụ, xây dựng thành nhà 06 tầng như hiện tại.

Theo lời khai của Phạm Thu N (chị gái Phạm Ánh N) thì khi bà nội mất, bà T có nói với chị rằng: ông bà đã có di chúc, căn nhà sẽ chia làm 03 phần, ông nội một phần, cô T một phần, hai chị em N được một phần. Nếu bán được thì sẽ chia bằng tiền theo giá trị tương đương.

Tuy nhiên, khi ông nội mất, bà T không thực hiện lời hứa của mình. Bà T đã làm thủ tục khai nhận thừa kế và đứng tên sở hữu toàn bộ diện tích nhà đất nêu trên và năm 2007, bà T đã được UBND quận Đống Đa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà.

Vì lý do đó, năm 2007 Phạm Thu N đã làm đơn đến Tòa án yêu cầu tuyên bố ông C chết để làm cơ sở khởi kiện chia thừa kế. TAND quận Đống Đa đã có quyết định tuyên bố ông C chết ngày 01/01/2000.

Ngày 04/01/2008, cô gái tật nguyền Phạm Ánh N đã làm đơn khởi kiện ra Tòa, đề nghị Tòa án giải quyết cho hưởng một phần di sản mà bố cô được hưởng từ ông bà nội. Chị gái cô cũng có ý kiến nhường hết phần tài sản (nếu được hưởng) cho cô em gái tật nguyền của mình.

Trước khi khởi kiện cho đến khi vụ án kết thúc, Phạm Ánh N không có chỗ ở. Cô phải ở nhờ Nhà chùa Sùng Bảo, thôn Xuân Nhân, xã Xuân Dục, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Khi Văn phòng luật sư Trịnh Hương nhận nhiệm vụ, gặp trực tiếp cô gái tật nguyền và bà P - người đại diện theo ủy quyền của cô, luật sư Hà – người trực tiếp tham gia vụ án này đã trăn trở rất nhiều bởi lẽ nếu chỉ căn cứ theo nội dung của Đơn khởi kiện ban đầu (Đơn khởi kiện ngày 04/01/2008) thì bất lợi sẽ thuộc về N nhiều hơn trong khi mẹ của cô vẫn bảo lưu ý kiến đã nêu trong Đơn khởi kiện. Trong trường hợp này, nếu tôn trọng “thân chủ” của mình thì vị luật sư thấy quyền và lợi ích của cô gái tật nguyền sẽ không được đảm bảo vì những ý kiến cần trình bày trong đơn còn thiếu rất nhiều trong đó liên quan chủ yếu đến bản Di chúc.

Sau nhiều lần thuyết phục, Nguyên đơn đã thay đổi, bổ sung nội dung Đơn khởi kiện. Luật sư Hà đã hướng dẫn bà mẹ làm đơn gửi Tòa án, gửi các cơ quan có thẩm quyền đề nghị xem xét.

Mặc dù làm trợ giúp pháp lý miễn phí nhưng vị luật sư vẫn nhiệt tình trong công việc. Ông dành nhiều thời gian, công sức để nghiên cứu vụ án. Liên quan tới hình thức và nội dung bản Di chúc, ông đã đi xác minh tại UBND phường Ngã Tư Sở. Với kết quả xác minh, đối chiếu với quy định của pháp luật đã cho thấy bản Di chúc vô hiệu về mặt hình thức. Phần tài sản định đoạt trong Di chúc đã bị tiêu hủy trước khi cụ Phạm Công M và Nguyễn Thị G chết. Phần xác nhận của UBND có dấu hiệu viết thêm nhưng không đóng dấu đề. Đó là những nội dung mà luật sư hướng dẫn thân chủ nêu trong Đơn khởi kiện bổ sung và trình bày tại phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 23/08/2012, vị luật sư đi sâu vào phân tích về tính chất của bản Di chúc cũng như về khía cạnh đạo đức xã hội. Ông cho rằng: Do không có căn cứ xác định con mình là ông Phạm Công C bố của Phạm Ánh N đã chết do vậy, hơn ai hết các cụ phải hiểu rằng ngoài bà T là con gái thì các cụ còn có một người con trai là thương binh và hai cháu nội của mình trong đó có một cháu tật nguyền do ảnh hưởng chất độc da cam. Vì vậy, khi lập Di chúc, các cụ phải giành một phần di sản của mình để cho ông C, người con mất khả năng lao động để ông có nhà ở và sinh sống, nếu ông C không ở thì cháu Phạm Ánh N cần được hưởng, như vậy mới phù hợp với quy định của pháp luật cũng như phù hợp với truyền thống, đạo đức xã hội. Việc định đoạt



tài sản tài sản trong bản Di chúc đã vi phạm vào Khoản 2, Điều 669, Điểm b, Khoản 1, Điều 652 BLDS.

Không chỉ như vậy, vị luật sư nêu thêm về hoàn cảnh thực tế và nguyện vọng của cô gái tật nguyền. Là nạn nhân chất độc da cam, Phạm Ánh N cần được sự quan tâm, chia sẻ của cộng đồng. Việc cô gái tật nguyền khởi kiện chia thừa kế hoàn toàn có căn cứ. Và việc tạo điều kiện cho cô một chỗ ở thuận lợi phù hợp với người tàn tật là hoàn toàn chính đáng Tòa án chấp nhận.

Sự cố gắng của vị luật sư cũng đã được đền đáp.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân TP Hà Nội đã ra phán quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cô gái tật nguyền Phạm Ánh N do bà Đào Thị P là đại diện theo ủy quyền.

Do Phạm Ánh N bị tàn tật, cuộc đời gắn với chiếc xe lăn vì vậy không thể đi lên tầng cao được nên Hội đồng xét xử đã chia cho ông C một phần diện tích nhà tại tầng 1 để các con ông C tiện sử dụng. Kết quả kỷ phần của ông C được hưởng 4.121.600.000 đồng (tương đương 25,6 m<sup>2</sup>) được chia cho các con ông C mà cô gái tật nguyền Phạm Ánh N làm đại diện để nhận kỷ phần đó.

Sau phiên tòa sơ thẩm, phía bị đơn - bà Phạm Thị T kháng cáo.

Trước yêu cầu được trợ giúp pháp lý tại giai đoạn xét xử phúc thẩm của cô gái tật nguyền, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước TP Hà Nội tiếp tục cử vị luật sư đó và ông lại vào cuộc.

Mặc dù Nguyên đơn không kháng cáo và đã thắng kiện ở cấp sơ thẩm nhưng đến giai đoạn phúc thẩm ông vẫn tận tụy với công việc và với thân chủ của mình như lúc ban đầu. Từ việc hướng dẫn Nguyên đơn khai tại tòa cấp phúc thẩm ra sao, làm đơn kiến nghị như thế nào ông đều trao đổi cụ thể với họ bởi ông cho rằng trong mọi trường hợp đều không thể chủ quan được mặc dù niềm tin nội tâm mách bảo ông rằng công bằng sẽ vẫn đến với cô gái tật nguyền đó.

Kết quả phiên tòa phúc thẩm đã minh chứng điều đó. Tòa phúc thẩm TAND Tối cao tại Hà Nội đã bác kháng cáo của Bị đơn. Một lần nữa, cô gái tật nguyền tại thắng kiện. Và lần này, Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng để tránh những phức tạp trong quá trình chung sống về sau khi Nguyên đơn ở liền kề với Bị đơn nên đã sửa án một phần

sơ thẩm. Thay vì nhận diện tích 25,6 m<sup>2</sup> thì Phạm Ánh N sẽ được nhận phần tiền 4.121.600.000 đồng mà phía bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán.

### ***2.3.2. Những hạn chế còn tồn tại***

Một là, hoạt động nghiên cứu thị trường, tiếp thị của Văn phòng chưa được mở rộng. Có thể do sắp cùng các nhân viên chưa có các phương án để tiếp cận thị trường; 1 phần do Văn phòng không nằm trên thành phố Hà Nội mà nằm về phía ngoại thành nên phạm vi ảnh hưởng của Văn phòng còn hạn chế. Văn phòng mới chỉ quảng bá các hoạt động tuyên truyền pháp luật, tham gia hội nghị, hội thảo, các hoạt động khác như hoạt động thiện nguyện. Trên website Luattrinhhuong.com, Văn phòng đã giới thiệu qua về hoạt động tư vấn trong các lĩnh vực khác nhau, nhưng chưa nêu ra những thành tích đã đạt được. Bên cạnh đó, do các Công ty luật, văn phòng luật sư khác có những hoạt động quảng bá thương hiệu trên thị trường mạnh mẽ hơn, vì thế rất khó để tìm thấy website của Văn phòng luật sư Trịnh Hương ngay trong lần đầu tìm kiếm. Bởi vậy, các khách hàng đa số đều biết đến Văn phòng thông qua sự giới thiệu, một phần nhỏ khác tìm thấy tên Văn phòng thông qua website, Facebook hay các bài phỏng vấn, tư vấn luật sư của Văn phòng trên truyền hình hoặc các buổi tuyên truyền pháp luật tại địa phương.

Thứ hai, trong quá trình thực hiện hợp đồng có nhiều điểm khó khăn. Pháp luật Việt Nam chưa hoàn thiện, thường xuyên sửa đổi, đòi hỏi người luật sư phải cập nhật kịp thời và hiểu rõ về những quy định đó. Hơn nữa, có những vấn đề được điều chỉnh bởi nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, và đôi lúc những quy định đó có sự chồng chéo, xung đột với nhau. Vậy nên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, đôi lúc luật sư tư vấn cần phải xem xét kỹ càng trước khi đưa ra phương hướng giải quyết cho khách hàng. Ngoài ra, quá trình thực hiện hợp đồng tư vấn pháp luật đôi lúc cũng gặp khó khăn khi thực hiện công việc tại các cơ quan hành chính.

Thứ ba, khó khăn mà hầu hết đơn vị nào cũng gặp phải là việc nhận thanh toán từ khách hàng. Một số khách hàng đã không thanh toán phí dịch vụ cho luật sư sau khi luật sư đã hoàn thành công việc theo hợp đồng.

Thứ tư, khách hàng không cung cấp đủ tài liệu, hoặc thất lạc tài liệu, giấy tờ liên quan. Việc này sẽ gây ảnh hưởng lớn tới hoạt động tư vấn cho khách hàng đó. Bởi có những vụ việc, luật sư có thể tư vấn dựa trên những dữ liệu mà khách hàng cung cấp, nhưng có những vụ việc, luật sư đòi hỏi cần phải xem xét giấy tờ, đối chiếu thông tin

với khách hàng để có thể đưa ra hướng đi tốt nhất cho khách hàng (Ví dụ: Tư vấn pháp luật về lĩnh vực thừa kế thì khách hàng phải cung cấp giấy chứng tử, sổ hộ khẩu để chứng minh người nào có quyền được nhận thừa kế...)

### ***2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại***

#### ***2.3.3.1. Nguyên nhân khách quan***

Hệ thống pháp luật tại Việt Nam thường xuyên thay đổi để phù hợp với tình hình xã hội và tình hình phát triển kinh tế của đất nước, đòi hỏi người tư vấn pháp luật cần phải thường xuyên cập nhật thông tin, phân tích các quy định mới, so sánh với các quy định cũ để tìm ra điểm khác biệt. Bên cạnh đó, trong nhiều trường hợp, để giải quyết vấn đề còn phải vận dụng những quy định pháp luật đã hết hiệu lực, buộc người tư vấn pháp luật phải có sự tìm hiểu chuyên sâu về pháp luật để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho khách hàng.

Pháp luật Việt Nam chưa có sự phân tầng. Hợp đồng DVTVPPL đang phải chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau, và mỗi văn bản lại điều chỉnh ở một phạm vi nhất định. Vì vậy, nếu không có sự phân tầng cụ thể, người tư vấn sẽ gặp khó khăn trong việc lựa chọn luật nào để áp dụng và xây dựng hợp đồng DVTVPPL với khách hàng.

Một nguyên nhân nữa có thể kể đến là việc pháp luật Việt Nam vẫn còn có nhiều quy định chồng chéo, gây cản trở trong việc sử dụng pháp luật để giải quyết vấn đề. Nếu người tư vấn pháp luật không đủ kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng để giải quyết tình huống thì người sử dụng dịch vụ lúc này sẽ không được đảm bảo đầy đủ quyền lợi của họ.

#### ***2.3.3.2. Nguyên nhân chủ quan***

Một là, do chưa đầu tư vào hoạt động tiếp thị, quảng bá hình ảnh văn phòng. Hiện tại, Văn phòng mới chỉ quảng bá hình ảnh thông qua website của Văn phòng, trên mạng xã hội Facebook.

Hai là, vị trí văn phòng giao dịch chưa được thuận lợi, gây ra sự khó khăn khi tìm kiếm văn phòng cho nhiều khách hàng.

Ba là, nguồn nhân lực ít, chưa đủ để phát triển và nhận khối lượng lớn dịch vụ. Hiện tại Văn phòng chỉ có 6 luật sư và 1 chuyên viên tư vấn. Các luật sư đều rất tâm

huyết, cố gắng đưa ra kết quả tốt nhất để khách hàng đạt được quyền lợi cao nhất. Do vậy, số lượng khách hàng bị hạn chế để nhằm đảm bảo chất lượng.

Bốn là, có nhiều trường hợp khách hàng làm thất lạc tài liệu, hoặc tài liệu không rõ ràng, gây ảnh hưởng tới quá trình tư vấn. Trong một số lĩnh vực như đất đai, thừa kế, giấy tờ chứng minh là những chứng cứ vô cùng quan trọng để giải quyết vấn đề. Việc làm thất lạc tài liệu hoặc không cung cấp đủ tài liệu sẽ khiến cho luật sư gặp khó khăn trong việc đưa ra hướng giải quyết vấn đề.

Năm là, nơi ở của khách hàng quá xa, đi lại khó khăn, khiến cho hoạt động tư vấn phải được thực hiện qua điện thoại. Việc tư vấn qua điện thoại đôi khi cũng gây những trở ngại nhất định đến quá trình tư vấn cho khách hàng. Hơn nữa, việc gặp trực tiếp khách hàng cũng khiến cho người tư vấn có thể nắm bắt tâm lý khách hàng, đánh giá biểu cảm để nhận định tình huống, xem xét việc liệu khách hàng có đưa chứng cứ sai hay không. Ngoài ra, khi gặp trực tiếp, khách hàng có thể thấy được sự tận tâm trong việc tư vấn, từ đó trở nên an tâm hơn, cởi mở hơn, cảm thấy chất lượng dịch vụ tương xứng với số tiền mình bỏ ra.

## **Tiểu kết Chương 2**

Như vậy, Chương 2 phân tích thực tiễn thực hiện pháp luật về giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự tại văn phòng luật sư Trịnh Hương. Thông qua Chương 2, khóa luận đã giới thiệu những nét cơ bản về văn phòng: cơ cấu tổ chức, lĩnh vực hoạt động...; Đưa ra các bảng, biểu đồ về tình hình hoạt động và xử lý các nguồn số liệu đó; Ngoài ra còn nêu lên những thành tựu mà văn phòng đã đạt được, đồng thời nêu ra những hạn chế vẫn còn tồn đọng trong hoạt động của Văn phòng. Từ những hạn chế đó, khóa luận đã nêu ra được một số nguyên nhân gây ra những hạn chế trên. Từ việc rút ra các nguyên nhân, để đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự tại Văn phòng luật sư Trịnh Hương trong Chương 3.

### **CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ TẠI VĂN PHÒNG LUẬT SƯ TRỊNH HƯƠNG**

#### **3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự ở Việt Nam hiện nay**

Sự phát triển của nền kinh tế kéo theo các vấn đề xã hội ngày càng phức tạp. Ngày càng có nhiều cá nhân, tổ chức mong muốn sử dụng DVTVPL. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam về vấn đề này lại chưa hoàn thiện.

Hợp đồng DVTVPL là thứ vô cùng quan trọng trong giao kết hợp đồng DVTVPL. Do đối tượng của hợp đồng là pháp luật, một đối tượng mang những tính đặc thù riêng biệt, nên việc giao kết hợp đồng luôn phải được lập thành văn bản để bảo đảm quyền lợi cho các bên. Xuất phát từ tầm quan trọng của pháp luật giao kết hợp đồng nói chung và giao kết hợp đồng DVTVPL nói riêng, pháp luật Việt Nam cần phải sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện pháp luật. Khi hệ thống pháp luật hoàn thiện, dịch vụ DVTVPL sẽ ngày càng phổ biến hơn, nhiều người sử dụng dịch vụ hơn và đem lại nhiều lợi ích tốt đẹp đến xã hội thông qua dịch vụ tư vấn.

Pháp luật Việt Nam hiện tại chưa có định nghĩa cụ thể thế nào là hợp đồng DVTVPL, mới chỉ công nhận hợp đồng DVTVPL dưới hình thức là văn bản, chưa xây dựng những cơ chế đảm bảo các bên thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, ... cũng gây những ảnh hưởng nhất định tới quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng. Vì vậy, Nhà nước cần phải bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện các quy định pháp luật về giao kết hợp đồng DVTVPL trong lĩnh vực dân sự ở Việt Nam hiện nay.

Xã hội phát triển, hợp đồng dịch vụ điện tử ngày càng xuất hiện nhiều. Tuy nhiên, pháp luật mới chỉ công nhận hình thức văn bản cho hợp đồng DVTVPL. Có thể nói, việc ký kết văn bản truyền thống cũng gây ra nhiều trở ngại trong việc giao kết hợp đồng giữa bên cung ứng và bên sử dụng dịch vụ, nhất là trong thời kỳ đại dịch, xã hội phải giãn cách và người dân không được di chuyển giữa các tỉnh thành khác nhau. Xuất phát từ sự tồn tại, bất cập của luật thực định, với các quy định chưa phù hợp với thời

điểm hiện tại, pháp luật Việt Nam cần có sự điều chỉnh để thúc đẩy hoạt động giao kết hợp đồng DVTVPL được phát triển và diễn ra nhiều hơn.

Xuất phát từ thực tiễn vận dụng các quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng gặp nhiều vướng mắc. Chưa có những cơ chế đảm bảo việc giao kết hợp đồng giữa các bên là tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, bởi có những trường hợp luật sư giao kết hợp đồng với những cá nhân, tổ chức mà đáng lẽ luật sư không được giao kết. Khi xảy ra vấn đề, luật sư phải từ chối tiếp tục thực hiện công việc, gây mất thời gian cho người có mong muốn sử dụng dịch vụ và có thể gây thiệt hại cho khách hàng trong những trường hợp có thời hạn giải quyết.

### **3.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự**

Nhà nước cần phải hoàn thiện các quy định pháp luật về giao kết hợp đồng DVTVPL, bảo đảm sự thống nhất, nhất quán của hệ thống pháp luật hợp đồng.

Hiện nay, giữa các văn bản còn nhiều quy định chồng chéo lên nhau, chưa rõ ràng, cũng chưa có sự thống nhất. Pháp luật Việt Nam chưa có định nghĩa cụ thể thế nào là hợp đồng DVPL cũng như hợp đồng tư vấn pháp luật, vậy nên chưa thể hiện rõ được chức năng của các loại hợp đồng này. Hợp đồng DVTVPL đang chịu sự điều chỉnh của các luật sau:

Những vấn đề cơ bản của hợp đồng trong BLDS 2015;

Những vấn đề chung về hợp đồng thương mại dịch vụ trong Luật Thương mại 2005;

Những vấn đề riêng biệt, đặc trưng trong hoạt động tư vấn pháp luật, hoạt động hành nghề của luật sư, quy định trong Luật Luật sư 2006.

BLDS 2015 còn chưa thực sự thể hiện được vai trò luật chung của mình so với Luật Thương mại 2005. Như vậy, cần hướng đến việc phân công cho từng luật những nhiệm vụ cụ thể điều chỉnh những phần nào về hợp đồng tư vấn pháp luật để có thể áp dụng một cách đồng bộ từ tầng trên xuống tầng dưới mà mỗi một luật lại thể hiện được rõ ràng vai trò của mình, thể hiện được bản chất của luật đó.

Về hợp đồng dịch vụ được đề cập trong BLDS: Ngoài những vấn đề cơ bản quy định về các nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng cũng như sửa đổi hợp đồng, những vấn đề chính được quy định trong BLDS về hợp đồng dịch vụ giữa bên cung ứng

dịch vụ và bên sử dụng dịch vụ đề cập đến những chế định pháp luật về chủ thể của hợp đồng (bên cung ứng và bên sử dụng dịch vụ), đối tượng của hợp đồng (dịch vụ được mô tả trong hợp đồng mà bên cung ứng dịch vụ sẽ thực hiện và việc trả tiền của bên sử dụng dịch vụ); quyền và nghĩa vụ của các bên chủ thể. Các quy định trên thể hiện rõ nét tính dân sự trong hợp đồng tư vấn pháp luật khi hai bên chủ thể có địa vị bình đẳng với nhau trong quan hệ thông qua các yếu tố về quyền và nghĩa vụ tương ứng giữa hai bên.

Về hợp đồng dịch vụ được đề cập trong Luật Thương mại: Hợp đồng dịch vụ trong Luật thương mại thường được giao kết giữa hai bên chủ thể là thương nhân nên có những vấn đề khác biệt, cần quy định rõ hơn so với BLDS như chủ thể (có những yêu cầu, điều kiện đặt ra với chủ thể là thương nhân), dịch vụ (các loại dịch vụ bị cấm, bị hạn chế cung ứng hoặc cung ứng nhưng với những điều kiện nhất định), quyền và nghĩa vụ (thêm một số quyền và nghĩa vụ cho các bên). Những vấn đề được quy định trong Luật thương mại phải thể hiện được cơ chế phối hợp giữa các thương nhân trong việc cung ứng dịch vụ nhằm thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại để đảm bảo thu lợi nhuận cho cả hai bên trong mối quan hệ. Cơ chế phối hợp này mang tính chuyên nghiệp hơn do đây là hoạt động thường xuyên của cả hai bên và các bên thường hướng đến quan hệ hợp tác lâu dài với nhau. Điều này sẽ làm rõ hơn tính thương mại trong hợp đồng tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp. Hợp đồng tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp cũng như các hợp đồng dịch vụ nói chung đều cần sự phối hợp, hợp tác giữa các bên để đạt được hiệu quả thực hiện dịch vụ theo thỏa thuận, ví dụ như bên cung ứng dịch vụ phải đảm bảo việc bảo mật thông tin cho bên sử dụng dịch vụ, bên sử dụng dịch vụ phải đảm bảo việc cung cấp tài liệu, thông tin cho bên cung ứng dịch vụ thực hiện hoạt động tư vấn của mình. Ngoài những quy định về hợp đồng dịch vụ trong Luật Thương mại, đi sâu vào từng loại dịch vụ cụ thể, nếu dịch vụ đó có những đặc trưng quan trọng cần quy định chặt chẽ và cụ thể hơn thì luật chuyên ngành có thể đảm nhận nhiệm vụ này.

Về hợp đồng DVTVPL được đề cập trong Luật luật sư 2006: Luật luật sư 2006 chưa có quy định cụ thể về hợp đồng DVTVPL mà chỉ có quy định về thực hiện DVPL theo hợp đồng DVPL và hoạt động tư vấn pháp luật của luật sư. Trong đó, Luật luật sư có quy định DVTVPL là một phần của DVPL. Bởi vậy, những quy định về nội dung và hình thức của hợp đồng DVPL sẽ được áp dụng cho hợp đồng DVTVPL. Tuy nhiên, do



tính chất công việc và đối tượng của hợp đồng dịch vụ có điểm đặc thù, khác biệt so với các loại hợp đồng dịch vụ khác, vậy nên pháp luật cần làm nổi bật lên vấn đề riêng biệt, đặc trưng trong hoạt động tư vấn pháp luật trong Luật này.

Hoàn thiện pháp luật như trên giúp cho pháp luật Việt Nam phân tầng rõ ràng, đặt ra mục đích, phạm vi điều chỉnh cho từng văn bản quy phạm pháp luật, để từ đó có thể giải quyết các vấn đề, các tranh chấp dễ dàng, hiệu quả hơn. Đồng thời, khi có sự phân tầng với các văn bản trên, khi sử dụng, áp dụng pháp luật vào để giải quyết vấn đề, tranh chấp, các quy định pháp luật sẽ hỗ trợ cho nhau, không còn tình trạng luật này cản trở luật kia nữa.

### **3.3. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự tại Văn phòng luật sư Trịnh Hương**

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng pháp luật về hợp đồng DVTVPL, cũng như những hoạt động giao kết hợp đồng DVTVPL tại Văn phòng luật sư Trịnh Hương, em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật tại Văn phòng như sau:<sup>20</sup>

#### ***3.3.1. Một số giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự***

Thứ nhất, DVPL nói chung và DVTVPL nói riêng ở Việt Nam cần được phát triển theo hướng thương mại dịch vụ trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cho đến nay, mặc dù vẫn chưa có quy định nào xác định nội hàm khái niệm DVTVPL, nhưng trên thế giới cũng như thực tiễn phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam trong thời gian qua đã khẳng định được vai trò hết sức quan trọng của hoạt động DVTVPL. Thông qua hoạt động này, Nhà nước có thể tìm ra được những lỗ hổng, những điểm chưa phù hợp với tình hình thực tế trong hệ thống pháp luật Việt Nam, từ đó đưa ra những giải pháp, phương hướng hoàn thiện pháp luật. Bên cạnh đó, chính hoạt động này đã góp phần hạn chế những tranh chấp, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các cá nhân, doanh nghiệp. Hoạt động tư vấn pháp luật cũng góp phần giúp cho các giao dịch dân sự được thực hiện theo đúng quy định pháp luật và các

---

<sup>20</sup> TS. Nguyễn Văn Tuấn (2019), “Dịch vụ pháp lý ở Việt Nam – Thực trạng và định hướng phát triển”, NXB Lao Động, Hà Nội

chuẩn mực đạo đức xã hội. Khi hoạt động DVTVPL được phát triển theo hướng như các loại dịch vụ thương mại, khi đó có thể thúc đẩy nhiều người sử dụng dịch vụ này nhiều hơn, từ đó giảm thiểu được những tranh chấp xảy ra, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tập trung phát triển kinh tế, các giao dịch dân sự cũng được thực hiện thường xuyên hơn và quan trọng nhất, nâng cao hiểu biết pháp luật của người dân Việt Nam lên cao hơn. DVTVPL phổ biến rộng rãi có thể tạo được sự cạnh tranh lành mạnh cho các Công ty luật, Văn phòng luật sư, đồng thời cũng khiến cho họ phải không ngừng cập nhật thông tin, phát triển kỹ năng, nâng cao năng lực để giành được khách hàng. Chính việc phát triển hoạt động DVTVPL cũng là một cách để phát triển kinh tế, đóng một nguồn lợi ích to lớn cho Nhà nước và xã hội.

Thứ hai, DVTVPL cần phát triển phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa. DVTVPL đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao ý thức pháp luật của nhân dân. Thông qua dịch vụ, người dân có thể nắm rõ các quy định pháp luật để giải quyết vấn đề của mình, vừa xây dựng được ý thức tuân thủ pháp luật trong mỗi người, vừa tạo được sự bình đẳng giữa các công dân trước pháp luật, giữa công dân với các cơ quan công quyền. Nhờ DVTVPL, người dân có sự chủ động chuẩn bị hồ sơ để giải quyết những thủ tục pháp lý mà Nhà nước yêu cầu, giảm bớt thời gian thực hiện các thủ tục hành chính. Khi thủ tục hành chính được giải quyết nhanh gọn, Nhà nước có thể tinh giảm bộ máy hành chính, nâng cao hiệu quả của các cơ quan hành chính, ngày càng hoàn thiện bộ máy Nhà nước. Hơn nữa, sự chuẩn bị kỹ càng các kiến thức pháp luật cũng giúp cho người dân phát hiện và khiếu nại, tố cáo những hành vi vi phạm của cơ quan công quyền. Ngoài ra, các chủ thể cung cấp DVTVPL cũng có cơ hội tự khẳng định mình, phát triển bản thân, tạo hình ảnh và sự uy tín đối với khách hàng thông qua việc tư vấn pháp luật.

Thứ ba, Nhà nước cần hoàn thiện pháp luật về quản lý luật sư và hành nghề luật sư. Nghề luật sư có nhiều đặc thù và được điều chỉnh bằng những quy định của pháp luật và quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Nhà nước cần quản lý những vấn đề quan trọng như ban hành các văn bản pháp luật về hành nghề luật sư, quy định chương trình đào tạo và công nhận luật sư, ... Những quy định đó cần phải thường xuyên đánh giá, thay đổi sao cho phù hợp với thực trạng xã hội, đồng thời cũng cần phải không ngừng nâng cao chất lượng, năng lực của luật sư. Nhà nước cũng có thể tạo ra các hoạt động, các

buổi giao lưu giữa luật sư các nước nhằm trao đổi kinh nghiệm, từ đó, xây dựng các cơ chế chính sách vừa phù hợp với đường lối xã hội, vừa nâng tầm giá trị của luật sư Việt Nam trên trường quốc tế.

Thứ tư, cần sửa đổi, bổ sung các quy định cụ thể về hợp đồng DVPL nói chung và hợp đồng DVTVPPL nói riêng. Pháp luật Việt Nam cần có sự quy định rõ ràng về hoạt động giao kết hợp đồng, quyền và trách nhiệm của các bên, cơ chế bảo đảm các bên thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, ...

Thứ năm, pháp luật cần có sự điều chỉnh về hình thức giao kết hợp đồng. Hình thức lập hợp đồng thành văn bản là hình thức đảm bảo quyền lợi của các bên một cách tốt nhất. Tuy nhiên, trong thời kỳ dịch bệnh đang hoành hành, đôi lúc rất khó để các bên có thể gặp mặt trực tiếp để ký hợp đồng, bởi không phải khách hàng nào cũng có nơi ở gần với bên cung cấp DVTVPPL. Lý do xảy ra vấn đề này là bởi khách hàng có quyền tự do lựa chọn đối tác, và thông thường, họ sẽ lựa chọn dựa trên sự giới thiệu của những người quen biết hoặc danh tiếng của bên cung ứng DVTVPPL. Vậy nên, pháp luật nên điều chỉnh hình thức hợp đồng DVTVPPL bằng cách hình thức tương đương với văn bản như ký hợp đồng điện tử, ...

Thứ sáu, cần phải phổ biến, tuyên truyền, giới thiệu về hoạt động tư vấn pháp luật rộng rãi tới người dân, cho người dân thấy được lợi ích của việc sử dụng DVTVPPL. Khi người dân hiểu rõ về hoạt động này, số lượng người sử dụng dịch vụ sẽ tăng cao. Từ hoạt động tư vấn pháp luật, các quy định của pháp luật được lan tỏa rộng rãi, giúp Nhà nước vừa đưa được pháp luật đến với người dân, vừa giảm bớt chi phí, thời gian, nhân lực để mở các buổi tuyên truyền pháp luật. Khi người dân hiểu rõ các quy định, họ cũng có thể góp ý, kiến nghị những quy định chưa phù hợp với thực tế hoặc đang gây cản trở cho sự phát triển của họ. Từ đó, Nhà nước có thể thu được những phản hồi có chất lượng cao, để tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và phát triển đất nước.

### ***3.3.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giao kết hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự tại Văn phòng luật sư Trịnh Hương***

Nghiên cứu ở trên cho thấy, thời gian qua Văn phòng luật sư Trịnh Hương đã đạt được một số thành tựu, nhưng bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế tồn tại. Là một sinh viên thực tập tại Văn phòng, khóa luận này tuy mới chỉ xem xét tình hình hoạt động của

Văn phòng ở một khía cạnh nhỏ, xong từ những thành tựu và hạn chế tồn tại trên, em xin đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác giao kết, thực hiện hợp đồng DVTVPL tại Văn phòng.

Một là, thông qua quá trình tư vấn pháp luật, Văn phòng cần phát hiện ra những lỗ hổng, những điểm chưa phù hợp với phương hướng phát triển đất nước và tình hình thực tế của xã hội. Từ đó, Văn phòng luật sư Trịnh Hương cần tích cực đóng góp những ý kiến đó với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Văn phòng (cụ thể là các luật sư, các chuyên viên tư vấn làm việc tại Văn phòng) là những người trực tiếp tham gia vào vụ việc, giải quyết vấn đề, thực hiện các thủ tục đăng ký, thay đổi cho khách hàng. Bởi vậy, những góp ý, kiến nghị của Văn phòng, luật sư và các chuyên viên tư vấn sẽ giúp hoàn thiện pháp luật, góp phần hoàn thiện hệ thống tư pháp của Việt Nam. Việc đóng góp ý kiến cũng đem lại những lợi ích cho chính Văn phòng và các tổ chức hành nghề luật sư khác, bởi pháp luật càng hoàn thiện, thì những vướng mắc trong các vấn đề của khách hàng ngày càng đơn giản hơn, dễ giải quyết hơn.

Hai là, văn phòng cần có những biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng. Khi ký kết hợp đồng cung ứng DVTVPL, văn phòng chưa thật sự chú trọng tới việc áp dụng các biện pháp thực hiện hợp đồng. Tuy văn phòng đã gửi văn bản đề nghị khách hàng thanh toán, song có một số khách hàng vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình. Theo em, Văn phòng có thể áp dụng các biện pháp như đặt cọc tiền trước, để đảm bảo khách hàng sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình. Bên cạnh đó, để đạt được hiệu quả trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng, Văn phòng cũng cần chú ý đánh giá đối tác một cách thận trọng trước khi ký kết hợp đồng về các mặt như: tình hình tài chính, khả năng thanh toán, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh để tránh tình trạng khi hợp đồng được ký kết và đi vào thực hiện thì Văn phòng lại không được thanh toán vì đối tác không thể thanh toán hoặc lâm vào tình trạng phá sản.

Ba là, các văn bản quy phạm pháp luật thường xuyên được sửa đổi, bổ sung, vì vậy các luật sư, chuyên viên tư vấn trong Văn phòng cần không ngừng cập nhật các văn bản mới, tránh tình trạng áp dụng các văn bản đã hết hiệu lực pháp luật, gây ảnh hưởng tới công việc giải quyết vấn đề cho khách hàng. Ngoài ra, Văn phòng cũng cần thường xuyên giao lưu, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm từ các luật sư khác để không ngừng hoàn thiện kiến thức, kỹ năng cho bản thân, áp dụng kiến thức, kỹ năng này vào công việc để

đạt được hiệu quả công việc cao nhất, tạo được lợi ích tốt nhất cho khách hàng. Nâng cao năng lực của mỗi cá nhân cũng là cách để nâng cao chất lượng dịch vụ của Văn phòng, từ đó quảng bá hình ảnh Văn phòng rộng rãi, tạo niềm tin cho khách hàng, thu hút được số lượng lớn khách hàng đến với Văn phòng sử dụng dịch vụ.

Bốn là, đối với đội ngũ luật sư và chuyên viên tư vấn, Văn phòng cần tạo điều kiện trau dồi ngoại ngữ. Trong thời điểm hiện tại, nền kinh tế phát triển, Việt Nam đang trên đà hội nhập với các nước trên thế giới. Ngày càng có nhiều doanh nghiệp kinh doanh, mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ ra thị trường nước ngoài, ký kết hợp đồng với những công ty, doanh nghiệp nước ngoài. Chính việc này đòi hỏi người tư vấn pháp luật không chỉ cần có kỹ năng chuyên môn, mà còn cần phải có những kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ngoại ngữ. Vì vậy, các thành viên trong văn phòng cần thường xuyên trao đổi, thường xuyên thực hành để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên trong Văn phòng, cũng như nâng cao vị thế của Văn phòng trong mắt khách hàng, đồng nghiệp.

Năm là, quảng bá rộng rãi hơn hình ảnh của Văn phòng. Thông qua việc giới thiệu các hoạt động của Văn phòng, Văn phòng vừa có thể thu hút được khách hàng, vừa thu hút được nhân tài. Với sự nhiệt tình trong hoạt động tư vấn pháp luật và các hoạt động pháp lý khác của Văn phòng, khách hàng sẽ đặt niềm tin vào Văn phòng, từ đó giới thiệu cho nhiều khách hàng khác đến với Văn phòng sử dụng dịch vụ. Từ đó, Văn phòng có thể xây dựng được mạng lưới khách hàng rộng lớn, nâng quy mô Văn phòng lên cao hơn. Những muốn nâng quy mô Văn phòng thì Văn phòng cần phải đáp ứng đủ số lượng luật sư, chuyên viên tư vấn. Bởi vậy, thông qua hoạt động quảng bá, Văn phòng có thể thu hút những người có tài đến làm việc cho Văn phòng, vừa tạo hình ảnh đẹp, sự uy tín trong mắt khách hàng, vừa tạo cơ hội trao đổi kinh nghiệm giữa các nhân viên trong Văn phòng để họ ngày càng hoàn thiện bản thân và kinh nghiệm trong công việc.

Sáu là, tổ chức các buổi họp Văn phòng thường xuyên, để các luật sư, chuyên viên tư vấn trong Văn phòng trước hết là nêu ra những vấn đề mà bản thân đang gặp khó khăn trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng, để mọi người cùng tìm ra hướng khắc phục, đồng thời cũng rút kinh nghiệm cho bản thân trong việc giải quyết các vụ việc sau này. Sau đó, mọi người có thể đưa ra các ý kiến cá nhân để nâng cao

chất lượng Văn phòng, chất lượng công việc. Việc chia sẻ thường xuyên cũng giúp cho các thành viên trong Văn phòng gắn kết hơn, gần gũi với nhau hơn.

Bây là, cần phải phổ biến, tuyên truyền, giới thiệu về hoạt động tư vấn pháp luật rộng rãi tới người dân, cho người dân thấy được lợi ích của việc sử dụng DVTVPPL. Tuy nhiên, không phải ai cũng có đủ điều kiện, khả năng kinh tế để sử dụng DVTVPPL, vậy nên Nhà nước cần có những chính sách hỗ trợ người dân, để ngày càng có nhiều người sử dụng dịch vụ này.

### **Tiểu kết Chương 3**

Thông qua quá trình thực tập và tìm hiểu thực trạng pháp luật Việt Nam, thực trạng hoạt động giao kết hợp đồng tư vấn pháp luật tại Văn phòng luật sư Trịnh Hương, khóa luận đã đề ra những giải pháp nhằm khắc phục hạn chế mà pháp luận đang còn tồn đọng, cũng như khắc phục những vướng mắc mà Văn phòng đang gặp phải. Bên cạnh đó, khóa luận còn đưa ra một số kiến nghị nhằm giúp cho Văn phòng luật sư Trịnh Hương hoàn thiện và phát triển, đưa danh tiếng của Văn phòng tới nhiều người hơn. Từ đó, Văn phòng có thể tư vấn pháp luật tới nhiều đối tượng hơn, truyền tải những quy định pháp luật tới nhiều người hơn, góp phần xây dựng xã hội giàu mạnh, phát triển cả về mặt kinh tế lẫn nhận thức pháp luật. Ngoài ra, việc quảng bá hình ảnh Văn phòng cũng giúp cho nhiều sinh viên như em có thể tìm đến Văn phòng, trải qua thời gian thực tập quý giá và học hỏi kinh nghiệm để tiếp tục xây dựng xã hội Việt Nam ngày một lớn mạnh. Tuy nhiên, để thực hiện được những giải pháp trên một cách tốt nhất, cần phải có sự phối hợp và nỗ lực của toàn bộ các cá nhân trong Văn phòng.

## KẾT LUẬN

Đất nước đang đổi mới, hội nhập phát triển cùng các quốc gia trên thế giới. Nền kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ, khiến cho con người ngày càng tích lũy nhiều của cải. Sự phát triển của kinh tế luôn đi cùng với việc con người ngày càng có tri thức cao hơn, nhận thức pháp luật tốt hơn. Chính vì vậy, số lượng người sử dụng DVTVPL ngày một đông hơn. Họ tìm đến DVTVPL thường là để giành được quyền lợi tốt nhất trong một tranh chấp, hay cần sự hỗ trợ để xây dựng một hợp đồng dân sự, sao cho khi xảy ra vấn đề, họ sẽ không phải chịu thiệt. Quan trọng hơn, DVTVPL cũng giúp cho những người sử dụng dịch vụ tiếp thu thêm những quy định pháp luật, vừa tránh được việc sau này họ có thể thực hiện các hoạt động trái pháp luật do họ không nắm rõ các quy định, vừa là cách bảo vệ họ khi xảy ra những tranh chấp tương tự, đánh giá phần nào khả năng của những người cung ứng DVTVPL cho họ sau này.

Trong khóa luận này, ở chương 1, em đã tìm hiểu, nêu và phân tích các khái niệm, các vấn đề lý luận về hoạt động tư vấn pháp luật, hợp đồng DVTVPL. Thông qua việc tìm hiểu đó, em đã phân nào hiểu được những đặc trưng của hợp đồng DVTVPL, sự khác biệt của hợp đồng DVTVPL so với các loại hợp đồng dịch vụ khác. Ngoài ra, em còn hiểu biết thêm về trình tự giao kết hợp đồng, về việc hợp đồng DVTVPL chỉ được giao kết dưới hình thức văn bản. Em cũng biết thêm được hoạt động của luật sư, những điều mà luật sư không được làm khi giao kết hợp đồng DVTVPL với khách hàng. Chính những điều này đã tạo cho em một nền tảng, để em tiếp tục đánh giá hoạt động giao kết hợp đồng DVTVPL trong thực tế, cụ thể là tại Văn phòng luật sư Trịnh Hương.

Trong chương 2, với những kiến thức đã được đúc kết tại chương 1, em có thể tìm hiểu sâu hơn về hoạt động của Văn phòng luật sư Trịnh Hương. Trong chương này, em đã vận dụng các vấn đề lý luận mà em tìm hiểu được trong chương 1 để từ đó đánh giá các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động giao kết hợp đồng DVTVPL trong chương 2, từ đó xem xét, phân tích các điều luật thông qua trải nghiệm thực tế. Trải qua thời gian thực tập, em đã học hỏi được thêm rất nhiều kinh nghiệm từ Văn phòng, đồng thời cũng thấy được những thành tích mà Văn phòng đã nỗ lực đạt được trong thời gian qua. Về hợp đồng DVTVPL, Văn phòng luật sư Trịnh Hương luôn tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, xây dựng một hợp đồng chặt chẽ, có lợi cho cả Văn phòng và



và khách hàng, nhưng vẫn luôn cố gắng sao cho công việc của khách hàng đạt được hiệu quả cao nhất. Nhưng bên cạnh đó, Văn phòng cũng còn tồn tại một số những hạn chế. Có những vụ việc cũng khiến cho các luật sư trong Văn phòng cũng phải băn khoăn, trăn trở, sử dụng các quy định pháp luật sao cho hợp lý. Chính điều này thể hiện pháp luật của nước ta vẫn còn nhiều hạn chế, những quy định có phần chông chéo gây ảnh hưởng tới quá trình giải quyết tranh chấp cho người dân. Ngoài ra, do Văn phòng quy mô chưa lớn, số lượng nhân viên còn ít, nên có hạn chế trong việc đánh giá hoạt động của Văn phòng, cũng như hoạt động giao kết hợp đồng DVTVPL tại Văn phòng luật sư Trịnh Hương. Thông qua đánh giá, em đã đưa ra được một số nguyên nhân dẫn tới hạn chế trong hoạt động của Văn phòng và đưa ra giải pháp trong chương 3.

Ở chương 3, sau khi phân tích các vấn đề lý luận, xem xét đánh giá thông qua các tình huống thực tế, em đã đưa ra một vài kiến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật về hoạt động giao kết hợp đồng DVTVPL, cũng như đưa ra những đề xuất nhằm hoàn thiện hoạt động của Văn phòng luật sư Trịnh Hương nói chung và hoạt động giao kết hợp đồng DVTVPL nói riêng tại Văn phòng.

Tuy nhiên, khi thực hiện bài khóa luận này em vẫn còn nhiều thiếu sót vì vậy em rất mong nhận được sự nhận xét, góp ý của giảng viên hướng dẫn TS. Đỗ Gia Thư cùng các thầy cô khác.

Cuối cùng, một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn TS. Đỗ Gia Thư cùng toàn thể các luật sư, các anh chị trong Văn phòng luật sư Trịnh Hương đã tận tình giúp đỡ, hướng dẫn em trong thời gian thực tập và thực hiện khóa luận này.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

### **I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

1. Chính phủ (2008), Nghị định 77/2008/NĐ-CP về Tư vấn pháp luật;
2. Chính phủ (2013), Nghị định số 123/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư;
3. Chính phủ (2018), Nghị định số 137/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư;
4. Quốc Hội (2005), Luật Thương Mại, NXB Tư Pháp, Hà Nội;
5. Quốc Hội (2006), Luật luật sư, NXB Tư Pháp, Hà Nội;
6. Quốc Hội (2012), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật luật sư, NXB Tư Pháp, Hà Nội;
7. Quốc Hội (2015), Bộ Luật Dân Sự 2015, NXB Tư Pháp, Hà Nội;
8. Quốc Hội (2017), Luật Trợ giúp pháp lý, NXB Tư pháp, Hà Nội.

### **II. GIÁO TRÌNH VÀ SÁCH THAM KHẢO**

9. PGS. TS Đinh Văn Thanh (2018), Giáo Trình Luật Dân Sự Tập 1, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội;
10. PGS. TS Đinh Văn Thanh (2018), Giáo Trình Luật Dân Sự Tập 2, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội;
11. TS. Nguyễn Văn Tuấn (2019), “Dịch vụ pháp lý ở Việt Nam – Thực trạng và định hướng phát triển”, NXB Lao Động, Hà Nội.

### **III. BÁO VÀ CÁC TRANG WEB**

12. Các bài viết trên text.doc;
13. Các bài viết trên website Luathalan.vn;
14. Đinh Thái Hoàng (2018), “*Giao kết và thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý từ thực tiễn tỉnh Tây Ninh*”, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học Xã hội;
15. Lê Bình Phương (2017), “*Hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh*”, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học Xã hội;
16. Luật Quang Huy, “*Phân tích sự tương đồng và khác biệt giữa hoạt động tư vấn pháp luật và hoạt động tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật*”;

17. Phạm Công Lưu (2020), “*Pháp luật về kinh doanh dịch vụ tư vấn pháp luật*”, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường đại học luật, Đại học Huế;

18. Trung tâm Quốc gia về chủng ngừa và Bệnh hô hấp (NCIRD), Phân Ban Bệnh Do Vi-rút, “Thông tin cơ bản về COVID - 19” ngày 04 tháng 11 năm 2021.

#### **IV. MỘT SỐ TÀI LIỆU KHÁC**

19. Hội đồng luật sư toàn quốc (2019), Bộ quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 201/QĐ-HĐLSSTQ ngày 13/12/2019 của Hội đồng luật sư toàn quốc)

20. Văn phòng luật sư Trịnh Hương, (2021-2023), Báo cáo tình hình hoạt động của Văn phòng luật sư Trịnh Hương từ năm 2021 – 2023;

21. Văn phòng luật sư Trịnh Hương, Hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật của các khách hàng.